

CHÍNH PHỦ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **408**/BC-CP

Hà Nội, ngày **19** tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO

**Tiếp thu, giải trình Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến
thẩm tra của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội
về hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiến trúc**

Kính gửi: Quốc hội

Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiến trúc đã được Chính phủ trình Quốc hội tại Tờ trình số 353/TTr-CP ngày 30/6/2026. Trên cơ sở Báo cáo số 378/BC-UBKHCNMT16 ngày 07/7/2026 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội về việc thẩm tra dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiến trúc; Kết luận số 108/KL-UBTVQH16 ngày 15/7/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiến trúc tại Phiên họp thứ 04, tháng 7/2026. Chính phủ kính báo cáo Quốc hội các nội dung tiếp thu, giải trình như sau:

A. TIẾP THU, GIẢI TRÌNH KẾT LUẬN CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Chính phủ tiếp thu toàn bộ ý kiến Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và đã rà soát, chỉnh lý tại dự thảo Luật, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật. Chính phủ xin báo cáo cụ thể như sau:

1. Về thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, phạm vi sửa đổi, bổ sung của dự thảo Luật, tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và đồng bộ của dự thảo Luật với các luật có liên quan

Về nội dung này, Chính phủ tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và đã rà soát toàn bộ hồ sơ dự án Luật, bảo đảm thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng, nhất là Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và các Nghị quyết “trụ cột”, có tính chiến lược của Trung ương, Bộ Chính trị (như Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Nghị quyết số 60-NQ/TW, ngày 12/4/2025 về Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Nghị quyết số 66/NQ-TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị; Kết luận số 155-KL/TW ngày 17/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam); phạm vi sửa đổi, bổ sung của dự án Luật đã được rà soát, chỉ quy định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội trên cơ sở tổng kết, đánh giá tác động từ thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế trong quản lý kiến trúc; bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Luật Di sản văn hóa, Luật Nhà ở và các luật có liên quan; phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết.

2. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các quy định về quản lý kiến trúc, quy chế quản lý kiến trúc (lưu ý một số nội dung trọng tâm về không gian kiến trúc và bản sắc văn hóa: bao quát toàn diện không gian kiến trúc, bao gồm kiến trúc ngầm, kiến trúc trên cao và kiến trúc nổi...; chú trọng bảo tồn, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, văn hóa vùng, miền; tiếp thu tinh hoa kiến trúc hiện đại. Phát triển kiến trúc xanh, tiết kiệm năng lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu và gắn kết chặt chẽ với yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, phù hợp với bối cảnh thực tiễn).

Về nội dung này, Chính phủ xin tiếp thu, tiếp tục hoàn thiện các quy định về không gian kiến trúc và bản sắc văn hóa. Bản sắc không chỉ dừng ở hình thức, vật liệu, màu sắc bên ngoài, mà phải bao quát toàn diện (bao gồm kiến trúc ngầm, kiến trúc trên cao và kiến trúc nổi...), dự thảo Luật đã sửa đổi Điều 5 theo hướng cụ thể hóa nội hàm và các yếu tố nhận diện bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc, gồm khu vực, tuyến phố, điểm dân cư, công trình kiến trúc có giá trị cần bảo tồn, kế thừa; các đặc trưng chủ yếu về hình thái không gian, chiều cao, mật độ xây dựng, vật liệu, màu sắc, hình thức kiến trúc tổng thể và tại từng khu vực; yêu cầu kế thừa, phát huy giá trị kiến trúc truyền thống, phù hợp với điều kiện phát triển đô thị và nông thôn.

Về “kiến trúc ngầm”, đây là nội dung có tính thực tiễn cao trong tương lai, việc quản lý không gian ngầm hiện được quản lý theo một số văn bản pháp luật: Luật Thủ đô, Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị. Chính phủ xin tiếp thu ý kiến và tiếp tục nghiên cứu, luật hóa các quy định về quản lý không gian ngầm trong pháp luật về kiến trúc và các pháp luật liên quan trong giai đoạn tới.

Về kiến trúc xanh, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng và thích ứng với biến đổi khí hậu, dự thảo Luật đã thể hiện trong các quy định về nguyên tắc hoạt động kiến trúc, yêu cầu đối với kiến trúc đô thị, kiến trúc nông thôn và yêu cầu thiết kế kiến trúc. Dự thảo bổ sung yêu cầu kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, ưu tiên sử dụng vật liệu địa phương và giải pháp kỹ thuật xây dựng tiên tiến; xem xét toàn diện yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

3. Về điều kiện hành nghề và chuyển đổi số (hoàn thiện quy định về điều kiện hành nghề kiến trúc. Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu kiến trúc; bổ sung quy định bắt buộc áp dụng mô hình thông tin công trình (BIM) đối với các công trình quy mô lớn, công trình công cộng ngay từ giai đoạn thẩm định, thiết kế kiến trúc và có lộ trình thực hiện cụ thể. Tích hợp dữ liệu không gian kiến trúc vào hệ thống thông tin địa lý của đô thị; số hóa quy chế kiến trúc thành các bản đồ tầng bậc giúp người dân, doanh nghiệp dễ dàng tra cứu trực tuyến nhằm bảo đảm tính đồng bộ và khả thi khi triển khai trên thực tế).

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Dự thảo Luật đã hoàn thiện các quy định về hành nghề kiến trúc, chỉnh lý theo hướng thu hẹp phạm vi chức danh bắt buộc phải có chứng chỉ hành nghề kiến trúc, chỉ tập trung vào các chức danh trực tiếp chịu trách nhiệm chuyên môn chính trong thiết kế kiến trúc công trình và thiết kế kiến trúc trong quy hoạch đô thị và nông thôn. Dự thảo không tiếp tục quy định kinh doanh dịch vụ kiến trúc là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; không đặt điều kiện kinh doanh đối với tổ chức cung cấp dịch vụ kiến trúc; bãi bỏ thủ tục sát hạch, thủ tục công nhận tổ chức đủ điều kiện sát hạch, hội đồng xét cấp chứng chỉ, thủ tục gia hạn chứng chỉ và yêu cầu chứng chỉ đối với 05/07 nhóm công việc hành nghề kiến trúc.

Việc bổ sung quy định về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và mô hình thông tin công trình trong hồ sơ thiết kế kiến trúc nhằm thể chế hóa chủ trương chuyển đổi số quốc gia, phù hợp với xu hướng quản lý kiến trúc bằng dữ liệu, mô hình số, BIM, GIS và nền tảng thông tin công trình. Chính phủ thống nhất việc áp dụng BIM cần có lộ trình, đối tượng áp dụng và yêu cầu kỹ thuật phù hợp với cấp công trình, quy mô, tính chất dự án, khả năng đáp ứng của chủ đầu tư, tổ chức tư vấn và cơ quan quản lý nhà nước; việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo phải phù hợp với yêu cầu quản lý, cấp công trình, quy mô, tính chất công trình; mô hình thông tin công trình để thể hiện giải pháp kỹ thuật về kiến trúc trong hồ sơ thiết kế được thực hiện theo pháp luật về xây dựng và lộ trình do Chính phủ quy định. Quy định này không đặt ra yêu cầu áp dụng BIM đồng loạt cho mọi công trình, đồng thời tạo cơ sở xác định đối tượng, lộ trình, mức độ áp dụng, tiêu chuẩn dữ liệu, phương thức nộp, lưu trữ, khai thác và kiểm tra mô hình. Nội dung cụ thể về trách nhiệm cập nhật, khai thác, chia sẻ, liên thông và đối soát dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu hành nghề kiến trúc với các cơ sở dữ liệu có liên quan được nghiên cứu giao Chính phủ quy định chi tiết, bảo đảm phù hợp với pháp luật về giao dịch điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo hiểm xã hội, thuế, lao động và xây dựng.

4. Về phân cấp, phân quyền *(thực hiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ đối với những nội dung địa phương có đủ điều kiện thực hiện, gắn với phân bổ nguồn lực hợp lý theo tổ chức chính quyền 3 cấp. Đồng thời, thiết kế cơ chế linh hoạt để chính quyền cấp tỉnh có thể quy định hoặc thu hồi thẩm quyền đối với cấp xã trong trường hợp nhân lực chuyên môn chưa đáp ứng yêu cầu; đi kèm với cơ chế kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực hiệu quả).*

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Dự thảo Luật đã phân định thẩm quyền lập, ban hành, điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Cấp tỉnh quản lý các nội dung có tính liên xã, liên vùng, tác động lớn đến cấu trúc không gian và cảnh quan; cấp xã thực hiện quản lý trong phạm vi địa bàn. Đối với quy chế quản lý kiến trúc đô thị có phạm vi không gian liên quan đến địa giới của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập, điều chỉnh và ban hành.

Chính phủ tiếp thu theo hướng tiếp tục rà soát để việc phân cấp, phân quyền gắn với điều kiện tổ chức thực hiện, phạm vi quản lý, hướng dẫn chuyên môn,

kiểm tra, giám sát và trách nhiệm của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh. Quy định Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm xác định và cụ thể hóa bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc được thực hiện trong quá trình tổ chức lập, ban hành, điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc theo thẩm quyền, không phải mỗi cấp tự đặt ra một hệ tiêu chí độc lập, tách rời quy hoạch và yêu cầu quản lý chung của địa phương. Dự thảo Luật đồng thời quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định lập riêng quy chế quản lý kiến trúc nông thôn hoặc tích hợp trong nội dung quy hoạch chung xã, góp phần giảm thời gian và nhân lực của cấp xã trong quá trình tổ chức thực hiện.

5. Về thiết chế và quy trình (quy định rõ ràng về địa vị pháp lý, quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng Kiến trúc Quốc gia và cấp tỉnh, thành phố; trong đó, ý kiến phản biện của Hội đồng đối với các công trình điểm nhấn đô thị phải có giá trị pháp lý, mang tính quyết định, không chỉ dừng ở mức tham khảo. Tăng cường quy định về thi tuyển phương án kiến trúc rộng rãi đối với các công trình có quy mô lớn, vị trí không gian công cộng nhạy cảm để lựa chọn phương án tối ưu nhất).

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Về Hội đồng tư vấn kiến trúc, cơ cấu, thành phần được quy định tại Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật, gồm chuyên gia về kiến trúc, quy hoạch, văn hóa và các lĩnh vực chuyên môn có liên quan. Khi xem xét công trình, khu vực có yếu tố di sản, Hội đồng có cơ sở lấy ý kiến chuyên gia văn hóa, di sản và phối hợp với cơ quan quản lý di sản văn hóa theo quy định hiện hành. Cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không quy định “ý kiến phản biện của Hội đồng đối với các công trình điểm nhấn đô thị phải có giá trị pháp lý, mang tính quyết định” để tránh xung đột với quyết định của Hội đồng thi tuyển, tránh phát sinh thêm thiết chế, quy trình hoặc thủ tục hành chính mới; việc phối hợp chuyên môn tiếp tục thực hiện theo pháp luật về kiến trúc, di sản văn hóa và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Dự thảo Luật đã quy định bao trùm các công trình có quy mô lớn, không gian công cộng có vị trí, tính chất ảnh hưởng diện mạo đô thị phải tổ chức thi tuyển kiến trúc; đồng thời tăng kiểm soát quyền lực, công khai, minh bạch trong thi tuyển phương án kiến trúc. Việc thi tuyển phải công khai tiêu chí, thành phần hội đồng, kết quả chấm, phương án trúng tuyển và các thay đổi so với phương án trúng tuyển trong các bước thiết kế sau.

6. Về tiếp tục rà soát các quy định chuyển tiếp, thời điểm có hiệu lực thi hành, các nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết, hồ sơ dự án Luật (quy định bảo đảm rõ ràng, khả thi và thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện; bổ sung văn bản hợp nhất của dự thảo Luật, bảo đảm đầy đủ hồ sơ dự án Luật theo quy định).

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Chính phủ xin tiếp thu và đã rà soát các quy định chuyển tiếp, thời điểm có hiệu lực thi hành; các nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết để bảo đảm tính khả thi trong quá trình tổ chức thực hiện; đã bổ sung dự thảo Văn bản hợp nhất của dự thảo Luật trong hồ sơ dự án Luật theo quy định.

B. TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM TRA CỦA ỦY BAN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CỦA QUỐC HỘI

Chính phủ cơ bản tiếp thu toàn bộ ý kiến thẩm tra của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội (Ủy ban KH, CN & MT) và đã rà soát, chỉnh lý tại dự thảo Luật, cụ thể như sau:

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Về sự cần thiết và phạm vi điều chỉnh của dự án Luật

Về phạm vi điều chỉnh, dự thảo Luật có bổ sung quy định sửa đổi khoản 4 Điều 40 của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn nhằm rút ngắn thời gian thẩm định quy hoạch. Có ý kiến đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung thêm nội dung đánh giá về thủ tục hành chính và tính khả thi do quy định này chưa được Bộ Tư pháp thẩm định. Đồng thời, để bảo đảm tính thống nhất với nội dung và phạm vi điều chỉnh, đề nghị cân nhắc chỉnh lý tên gọi của dự án Luật thành “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiến trúc và Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn”¹. Có ý kiến cho rằng, Luật Kiến trúc hiện hành và dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Kiến trúc lần này mới chỉ tập trung quy định về quản lý kiến trúc bên ngoài công trình mà chưa quy định về kiến trúc nội thất, chất lượng kiến trúc bên trong của công trình, do đó đề nghị nghiên cứu sửa đổi toàn diện trong thời gian tới².

Về nội dung này, Chính phủ xin tiếp thu và đã rà soát các nội dung sửa đổi khoản 4 Điều 40 của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn tại dự thảo Luật; đồng thời kiến nghị giữ nguyên tên gọi của dự án Luật là: “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiến trúc”. Chính phủ xin tiếp thu ý kiến cần tăng nội dung quy định về kiến trúc nội thất, chất lượng kiến trúc bên trong của công trình, đồng thời sẽ nghiên cứu quy định rõ hơn tại các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, cũng như nghiên cứu sửa đổi toàn diện pháp luật về kiến trúc trong thời gian tới.

2. Về hồ sơ dự án Luật

2.1. Đối với Tờ trình của Chính phủ: Ủy ban KH, CN & MT thấy rằng Tờ trình của Chính phủ khẳng định cần luật hóa nội dung quy định về Luật Kiến trúc tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. Tuy nhiên, Phụ lục I.8 của Nghị quyết nêu trên yêu cầu “không thực hiện thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn chứng chỉ hành nghề (CCHN) kiến trúc” trong khi dự thảo Luật đề xuất giữ 02 chứng chỉ hành nghề đối với thiết kế kiến trúc công trình và thiết kế kiến trúc trong quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn. Đề nghị Chính phủ giải trình rõ nội dung này. Đồng thời, đề nghị bổ sung các vướng mắc chính được nêu tại Báo cáo tổng kết thi hành Luật Kiến trúc năm 2019 vào Tờ trình để làm rõ cơ sở thực tiễn sửa đổi, bổ sung Luật³.

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Dự thảo Luật bảo đảm phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP, cụ thể: không phục hồi ngành, nghề “kinh doanh dịch vụ kiến trúc” là ngành,

¹ Ý kiến của Ủy ban Pháp luật và Tư pháp

² Ý kiến của Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại

³ Ý kiến của Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại

nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; không đặt điều kiện kinh doanh đối với tổ chức hành nghề kiến trúc theo Luật Đầu tư. Quy định về chứng chỉ trong dự thảo Luật là tiêu chuẩn năng lực cá nhân đối với chức danh chịu trách nhiệm chuyên môn trực tiếp trước chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về chất lượng sản phẩm kiến trúc. Đây là công cụ quản lý trách nhiệm nghề nghiệp, không phải giấy phép kinh doanh của cá nhân, doanh nghiệp.

Dự thảo Luật đã cắt giảm thực chất nhiều thủ tục: sát hạch; hội đồng xét cấp, gia hạn chứng chỉ; thu hẹp phạm vi bắt buộc có chứng chỉ từ toàn bộ các nhóm dịch vụ kiến trúc xuống còn các chức danh chủ trì, chủ nhiệm có tác động trực tiếp đến an toàn cộng đồng, mỹ quan đô thị, nông thôn và chất lượng không gian kiến trúc. Đối với các nhóm công việc còn lại, dự thảo chuyển sang cơ chế tiêu chuẩn năng lực, tự công bố, hậu kiểm và công khai dữ liệu.

Việc duy trì công cụ chứng chỉ cho chức danh chủ trì, chủ nhiệm còn có cơ sở thực tiễn: kiến trúc sư đảm nhận chức danh chủ trì, chủ nhiệm có nhiệm vụ chính là điều phối các bộ môn quá trình thiết kế xây dựng (kết cấu, cơ điện, cấp thoát nước, thông gió, PCCC...) là các bộ môn có yêu cầu chứng chỉ theo pháp luật về xây dựng. Việc bãi bỏ công cụ xác nhận năng lực đối với chức danh này trong khi cơ sở dữ liệu, chế tài hậu kiểm và trách nhiệm nghề nghiệp chưa được triển khai đồng bộ sẽ tạo ra rủi ro ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng công trình và lợi ích cộng đồng.

Bên cạnh đó, việc duy trì chứng chỉ hành nghề cho kiến trúc còn có ý nghĩa quan trọng là đáp ứng các điều kiện hội nhập quốc tế, theo Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về dịch vụ kiến trúc trong ASEAN, chứng chỉ hành nghề kiến trúc của các kiến trúc sư là một trong các điều kiện cần thiết để được công nhận đạt tiêu chuẩn Kiến trúc sư ASEAN.

Chính phủ xin tiếp thu, bổ sung và làm rõ hơn tại Tờ trình theo hướng nêu rõ: “*chứng chỉ hành nghề kiến trúc trong dự thảo Luật là công cụ xác nhận năng lực cá nhân đối với chức danh chịu trách nhiệm chuyên môn, không phải điều kiện kinh doanh của tổ chức; phạm vi áp dụng đã được thu hẹp tối đa, đồng thời bãi bỏ các khâu tiền kiểm không cần thiết*”.

2.2. Đối với Báo cáo tổng kết thi hành và Bản đánh giá thủ tục hành chính, phân quyền, phân cấp: Ủy ban KH, CN & MT nhận thấy các báo cáo đã phản ánh được bức tranh thực tiễn với số liệu cụ thể (cấp hơn 9.557 CCHN, ban hành 80 quy chế đô thị và 197 quy chế nông thôn) và đã chỉ ra các điểm nghẽn trong quản lý. Bản đánh giá thủ tục hành chính (TTHC) đã làm nổi bật nỗ lực cải cách khi bãi bỏ 06/07 TTHC (bao gồm thi sát hạch), chỉ giữ lại duy nhất thủ tục cấp, cấp lại chứng chỉ. Tuy nhiên, bản đánh giá chưa lượng hóa được cụ thể chi phí tuân thủ, số giờ làm việc và nguồn lực tài chính mà xã hội sẽ tiết kiệm được hàng năm từ việc cắt giảm 06 TTHC này. Bên cạnh đó, có sự mâu thuẫn khi Bản đánh giá TTHC khẳng định “*Dự thảo Luật không quy định phân cấp, phân quyền thực hiện các thủ tục*”, nhưng dự thảo Luật (Điều 14, Điều 15) đang phân quyền việc ban hành, điều chỉnh Quy chế quản lý kiến trúc cho cấp xã. Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung các số liệu đánh giá tác động định lượng về chi phí tiết kiệm được do cắt giảm các thủ tục hành chính; đồng thời, chỉnh lý lại nội dung

đánh giá về phân quyền, phân cấp để bảo đảm tính chính xác và thống nhất các nội dung trong hồ sơ dự án Luật.

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Chính phủ xin tiếp thu và rà soát, tổng kết số lượng chứng chỉ đã cấp, số quy chế quản lý kiến trúc đã ban hành, số lượng thủ tục được cắt giảm để xây dựng bảng tính chi phí tuân thủ; nêu rõ phương pháp tính và dự báo mức giảm dự kiến theo từng nhóm thủ tục.

Đồng thời tiến hành chỉnh lý Bản đánh giá thủ tục hành chính, phân quyền, phân cấp theo hướng: (i) xác nhận dự thảo Luật có phân định lại thẩm quyền quản lý kiến trúc giữa cấp tỉnh và cấp xã; (ii) khẳng định không làm phát sinh thủ tục hành chính mới đối với tổ chức, cá nhân; (iii) bổ sung phụ lục đánh giá chi phí tuân thủ, số giờ làm việc và nguồn lực tài chính mà xã hội sẽ tiết kiệm được hằng năm chi phí từ việc cắt giảm thủ tục cấp, gia hạn, sát hạch, hội đồng xét cấp chứng chỉ.

2.3. Đối với Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách và Báo cáo rà soát pháp luật, điều ước quốc tế: Ủy ban KH, CN & MT thấy rằng, các báo cáo đã rà soát kỹ lưỡng, đối chiếu chi tiết dự thảo với các định hướng lớn của Đảng và các luật liên quan (Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Luật Xây dựng). Bản thuyết minh trình bày logic, làm rõ được mục tiêu của từng nhóm điều khoản sửa đổi. Tuy nhiên, Báo cáo rà soát chưa đề cập đến Luật Đầu tư, trong khi Luật Đầu tư đã đưa “Kinh doanh dịch vụ kiến trúc” ra khỏi danh mục đầu tư kinh doanh có điều kiện. Việc tổ chức không cần điều kiện kinh doanh, nhưng cá nhân chủ trì vẫn cần phải có “điều kiện hành nghề” (chứng chỉ) sẽ tạo ra nguy cơ lách luật (thuê mướn chứng chỉ, khai khống chứng chỉ...). Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định về cơ chế liên kết, kiểm soát trách nhiệm giữa tổ chức hành nghề và cá nhân mang chứng chỉ hoặc có giải trình rõ về nội dung này.

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Tại Phụ lục IV, Luật Đầu tư năm 2025 có quy định về Hành nghề thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng (Số thứ tự 90) và Hành nghề tư vấn lập quy hoạch đô thị và nông thôn (Số thứ tự 94) là các ngành nghề kinh doanh có điều kiện; trên thực tế việc hành nghề kiến trúc thực chất là một cấu phần của hành nghề thiết kế xây dựng và tư vấn lập quy hoạch đô thị và nông thôn bởi các lý do sau:

Thứ nhất, tại Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học đã quy định mã ngành 758 là “kiến trúc và xây dựng” bao gồm: (i) Kiến trúc và quy hoạch (mã 75801) và (ii) Xây dựng (75802); như vậy có thể thấy các ngành kiến trúc, xây dựng, quy hoạch đô thị và nông thôn có mối quan hệ mật thiết từ khi đào tạo đại học.

Thứ hai, Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng có quy định: Quy cách hồ sơ thiết kế xây dựng gồm Phần hồ sơ thiết kế kiến trúc trong hồ sơ thiết kế xây dựng (khoản 4 Điều 18); tại các điều khoản quy định về các loại hồ sơ thiết kế xây dựng (thiết kế sơ bộ, thiết kế cơ sở, thiết kế FEED...) đều có thành phần hồ sơ thiết kế kiến trúc.

Thứ ba, tại dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiến trúc quy định theo hướng: Hồ sơ thiết kế kiến trúc là một thành phần trong hồ sơ thiết kế xây dựng và làm cơ sở thực hiện các bước thiết kế theo pháp luật về xây dựng (khoản 3 Điều 1 dự thảo Luật).

Từ các luận cứ trên, có thể thấy “thiết kế kiến trúc” là một phần không thể tách rời của hoạt động “thiết kế xây dựng” và “tư vấn lập quy hoạch đô thị và nông thôn”; do vậy dự thảo Luật quy định theo hướng chỉ 02 công việc có ý nghĩa quan trọng, ảnh hưởng đến an toàn của cộng đồng và mỹ quan đô thị là: thiết kế kiến trúc trong thiết kế xây dựng và thiết kế kiến trúc trong quy hoạch đô thị và nông thôn là 02 công việc mà cá nhân đảm nhận vị trí chủ trì cần có Chứng chỉ hành nghề; quy định này để bảo đảm tính đồng bộ với pháp luật về xây dựng và quy hoạch đô thị và nông thôn; đồng thời, Chứng chỉ hành nghề cho các công việc này không hạn chế quyền hành nghề của các kiến trúc sư, chỉ có ý nghĩa xác nhận năng lực cho người đảm nhận vị trí quan trọng phù hợp với các thông lệ quốc tế (Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về dịch vụ kiến trúc trong ASEAN).

Đối với nguy cơ lách luật (thuê mượn chứng chỉ), Chính phủ đã có quá trình rà soát, đánh giá kỹ lưỡng về nội dung này, thực tế Luật Kiến trúc năm 2019 đã có quy định tương tự là cấp Chứng chỉ hành nghề kiến trúc có 07 công việc trong lĩnh vực kiến trúc. Qua khảo sát, tổng kết, đánh giá thực hiện Luật Kiến trúc năm 2019 có thể thấy cơ bản không có hiện tượng nêu trên, tại dự thảo Luật lần này, Chính phủ đề xuất chỉ giữ lại 02/07 công việc cần chứng chỉ cho chủ trì; 05/07 công việc còn lại không yêu cầu chứng chỉ là bảo đảm tính kế thừa của giai đoạn trước.

Chính phủ nhận thấy đây là ý kiến xác đáng và cần được xử lý ngay trong Luật, không chỉ giao Nghị định, với mục tiêu không phải là bỏ chứng chỉ để tránh thuê mượn chứng chỉ, mà phải thiết kế cơ chế ràng buộc chứng chỉ gắn với trách nhiệm nghề nghiệp thật. Nếu cá nhân có chứng chỉ chỉ ký tên mà không trực tiếp chủ trì, chủ nhiệm hoặc kiểm soát chuyên môn, chứng chỉ sẽ bị biến thành công cụ hình thức. Chính phủ xin tiếp thu và nghiên cứu quy định ở các văn bản hướng dẫn thi hành theo các nội dung: (i) tổ chức hành nghề phải phân công bằng văn bản cho cá nhân chủ trì, chủ nhiệm, cá nhân chịu trách nhiệm chuyên môn; thông tin này được ghi trong hồ sơ thiết kế, hồ sơ thẩm định và cơ sở dữ liệu hành nghề (được quy định trong Thông tư hướng dẫn về hồ sơ kiến trúc); (ii) cá nhân có chứng chỉ phải trực tiếp thực hiện hoặc trực tiếp kiểm soát chuyên môn đối với phần việc do mình ký; không được cho thuê, cho mượn, ký khống, ký hợp thức hồ sơ, nội dung này cũng cần được nghiên cứu xử lý tại các pháp luật liên quan (pháp luật về trách nhiệm dân sự, xử phạt vi phạm hành chính...); (iii) tổ chức hành nghề và cá nhân ký chịu trách nhiệm liên đới đối với các sai sót chuyên môn, việc này được kiểm soát thông qua cơ sở dữ liệu về hành nghề kiến trúc trong Cơ sở dữ liệu về hoạt động xây dựng với mục tiêu công khai, minh bạch thông tin hành nghề của tổ chức và cá nhân thể hiện được sự “*liên kết, kiểm soát trách nhiệm giữa tổ chức hành nghề và cá nhân mang chứng chỉ*” thông qua Cơ sở dữ liệu này (trường hợp cá nhân không thuộc tổ chức, cho thuê, mượn chứng chỉ sẽ hiển thị công khai trên hệ thống).

2.4. Ngoài ra, báo cáo cũng đề cập đến việc Việt Nam đang tham gia Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về dịch vụ kiến trúc trong ASEAN, theo đó Chứng chỉ Kiến trúc sư ASEAN (ASEAN Architect - AA) là danh hiệu công nhận năng lực hành nghề xuyên biên giới giữa các nước thành viên, kiến trúc sư đã được cấp phép tại một quốc gia có thể dễ dàng đăng ký hành nghề tại các quốc gia Đông Nam Á khác mà không phải thi lại chứng chỉ của nước sở tại. Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ điều kiện tham gia Thỏa thuận này cũng như những lợi ích, khó khăn khi tham gia và nghiên cứu bổ sung nguyên tắc quản lý chất lượng chuyên gia quốc tế trong dự thảo Luật.

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Việt Nam đang tham gia Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về dịch vụ kiến trúc trong ASEAN (gọi tắt là Thỏa thuận). Theo Thỏa thuận này, Kiến trúc sư ASEAN (ASEAN Architect gọi tắt là AA) là kiến trúc sư được Hội đồng Kiến trúc sư ASEAN chấp nhận thông qua quy trình đánh giá, được ghi tên trong Đăng bạ AA và được phong danh hiệu AA. Điều kiện đăng ký AA bao gồm yêu cầu về thời gian hành nghề liên tục (ít nhất 08 năm hành nghề liên tục từ khi tốt nghiệp) và thời gian hành nghề liên tục sau khi được cấp chứng chỉ (**ít nhất 05 năm kể từ ngày được cấp chứng chỉ hành nghề**). AA khi hành nghề tại nước ASEAN khác vẫn phải đăng ký với cơ quan quản lý nghề nghiệp của nước sở tại với tư cách kiến trúc sư nước ngoài có đăng ký và phải tuân thủ pháp luật, quy chế của nước sở tại. Việc tham gia Thỏa thuận mang lại nhiều cơ hội, lợi ích cho các Kiến trúc sư của Việt Nam; là cơ sở để nâng cao năng lực hội nhập của đội ngũ kiến trúc sư Việt Nam; Hiện nay ASEAN có 766 AA được công nhận và có 678 AA đang hoạt động (Việt Nam có 47 AA đang hoạt động).

Trên cơ sở đó, dự thảo Luật được nghiên cứu, đề xuất đồng bộ, phù hợp với các tiêu chuẩn đánh giá AA của Hội đồng kiến trúc sư ASEAN, cụ thể: (i) yêu cầu cá nhân hành nghề kiến trúc phải được đào tạo phù hợp với công việc đảm nhận và được Hội đồng kiến trúc sư ASEAN công nhận AA và được ghi danh trong Đăng bạ AA; (ii) yêu cầu cá nhân tham gia hoạt động kiến trúc phải cung cấp, cập nhật dữ liệu hành nghề kiến trúc, xác thực, công khai và cập nhật thông tin hành nghề (iii) phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư hành nghề của Việt Nam.

2.5. Đối với Báo cáo tiếp thu, giải trình và Dự thảo văn bản quy định chi tiết (Nghị định): Ủy ban KH, CN & MT nhận thấy, Cơ quan chủ trì soạn thảo đã thực hiện nghiêm túc, công phu, giải trình đầy đủ 37 văn bản góp ý từ các cơ quan, địa phương. Dự thảo Nghị định đã cơ bản đồng bộ với dự thảo Luật khi bãi bỏ các quy định về thi sát hạch, hội đồng xét duyệt, đồng thời rút ngắn thời gian cấp mới chứng chỉ hành nghề xuống còn 10 ngày (cấp lại trong 03 ngày) qua môi trường điện tử. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng một số vướng mắc thực tiễn (như tiêu chí công trình điểm nhấn, cơ chế phối hợp vùng giáp ranh) không được điều chỉnh trong luật mà đưa xuống văn bản dưới luật. Bên cạnh đó, cần đảm bảo tính thống nhất của dự thảo Nghị định với dự thảo Luật, ví dụ như, tại Điều 27 dự thảo Nghị định, hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ yêu cầu: Đơn đề nghị, ảnh và văn bằng đại học, không có tài liệu chứng minh “03 năm kinh nghiệm tham gia hành nghề” (là điều

kiện bắt buộc tại khoản 3 Điều 21 dự thảo Luật). Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu để có thể đưa ra những quy định mang tính nguyên tắc giải quyết vướng mắc thực tiễn ngay trong dự thảo Luật; rà soát tính thống nhất của dự thảo Nghị định với dự thảo Luật.

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Đối với những nội dung vướng mắc thực tiễn như tiêu chí công trình điểm nhấn, cơ chế phối hợp vùng giáp ranh, Chính phủ tiếp thu theo hướng rà soát để các quy định liên quan, làm cơ sở thống nhất áp dụng. Theo đó, công trình điểm nhấn, công trình có tác động lớn đến cảnh quan được xác định trên cơ sở quy hoạch đô thị và nông thôn, thiết kế đô thị, quy chế quản lý kiến trúc hoặc yêu cầu quản lý phát triển của địa phương; trường hợp liên quan từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên thì thẩm quyền, trách nhiệm thuộc UBND cấp tỉnh để bảo đảm thống nhất về không gian, tầng cao, trục nhìn, cảnh quan và hình thức kiến trúc. Các tiêu chí kỹ thuật cụ thể, trình tự phối hợp, hồ sơ, phương pháp đánh giá Dự thảo Luật đề xuất giao Chính phủ quy định chi tiết để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với từng loại đô thị, nông thôn và điều kiện quản lý của địa phương.

Đối với việc rà soát, đảm bảo tính thống nhất giữa nội dung Nghị định và Dự thảo Luật: Chính phủ đã rà soát và tiếp tục hoàn thiện dự thảo Luật và dự thảo Nghị định để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất. Cụ thể, đối với hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc, Dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể về việc kê khai kinh nghiệm tham gia hành nghề trong Mẫu đơn xin cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc (đã được quy định trong Nghị định số 85/2020/NĐ-CP). Đồng thời, Dự thảo Luật cũng đang xây dựng theo hướng đẩy mạnh “hậu kiểm”, việc kiểm tra, đánh giá kinh nghiệm hành nghề kiến trúc thông qua việc thu thập thông tin hành nghề kiến trúc trong công tác quản lý về kiến trúc, thẩm định thiết kế xây dựng và do cơ quan chuyên môn về kiến trúc cấp tỉnh xác thực, đăng tải, cập nhật theo đề nghị của cá nhân hành nghề trên Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

3. Về việc thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước

Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, đánh giá kỹ hơn mức độ thể chế hóa một số định hướng của Đảng, chú ý việc thực hiện yêu cầu “Triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề” theo Nghị quyết số 66-NQ/TW.

Về nội dung này, Chính phủ xin tiếp thu ý kiến của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường và đã rà soát, làm rõ hơn mức độ thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước trong hồ sơ dự án Luật.

Dự thảo Luật được xây dựng theo hướng sửa đổi có trọng tâm, không mở rộng phạm vi điều chỉnh, không đặt thêm điều kiện, thủ tục không cần thiết; tập trung xử lý các vướng mắc trực tiếp trong quản lý kiến trúc, hành nghề kiến trúc và tổ chức thực hiện theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Nội dung sửa đổi bám sát tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW: luật quy định vấn đề có tính

nguyên tắc, ổn định; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; cắt giảm thủ tục hành chính; chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm trên cơ sở dữ liệu, công khai thông tin và tăng trách nhiệm giải trình.

Đối với yêu cầu “*triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề*”, dự thảo Luật đã không tiếp tục quy định “*kinh doanh dịch vụ kiến trúc*” là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; không đặt điều kiện kinh doanh đối với tổ chức cung cấp dịch vụ kiến trúc. Đồng thời, bãi bỏ thủ tục sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc, thủ tục công nhận tổ chức đủ điều kiện sát hạch, hội đồng xét cấp chứng chỉ, thủ tục gia hạn chứng chỉ và yêu cầu chứng chỉ đối với 05/07 nhóm công việc hành nghề kiến trúc.

Việc duy trì chứng chỉ hành nghề đối với một số chức danh đảm nhận các công việc quan trọng (*chủ trì, chủ nhiệm*) là yêu cầu quản lý năng lực cá nhân, không phải điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp. Dự thảo Luật chỉ giữ yêu cầu chứng chỉ đối với cá nhân trực tiếp chịu trách nhiệm chuyên môn trong thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế kiến trúc trong quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân. Đây là các hoạt động có tác động trực tiếp đến an toàn công trình, chất lượng không gian, cảnh quan, bản sắc kiến trúc và lợi ích công cộng. Nếu bãi bỏ toàn bộ yêu cầu này sẽ tạo khoảng trống trong kiểm soát năng lực đối với công trình công cộng, công trình quy mô lớn, công trình điểm nhấn và công trình có yêu cầu cao về kiến trúc, cảnh quan, phòng cháy, chữa cháy, tiếp cận sử dụng và an toàn khai thác.

Dự thảo Luật cũng đã cụ thể hóa Nghị quyết số 06-NQ/TW thông qua việc hoàn thiện các quy định về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc, yêu cầu đối với kiến trúc đô thị, kiến trúc nông thôn, công trình kiến trúc có giá trị, quy chế quản lý kiến trúc và thi tuyển kiến trúc. Trọng tâm là chuyển từ quản lý đơn lẻ theo từng công trình sang quản lý tổng thể không gian, hình thái kiến trúc, cảnh quan, tầng cao, khoảng lùi, vật liệu, màu sắc, điểm nhấn và sự gắn kết của công trình với hạ tầng, không gian công cộng và bản sắc khu vực.

Đối với chủ trương tinh gọn bộ máy, phân cấp, phân quyền theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kết luận số 137-KL/TW, Nghị quyết số 60-NQ/TW và Kết luận số 155-KL/TW, dự thảo Luật đã phân định lại thẩm quyền lập, ban hành, điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Cấp tỉnh quản lý các nội dung có tính liên xã, liên vùng, tác động lớn đến cấu trúc không gian và cảnh quan; cấp xã thực hiện quản lý trong phạm vi địa bàn. Chính phủ tiếp thu ý kiến thẩm tra và tiếp tục rà soát để phân cấp đi đôi với hướng dẫn chuyên môn, điều kiện thực hiện, kiểm tra, giám sát và trách nhiệm của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.

Đối với Nghị quyết số 57-NQ/TW, dự thảo Luật bổ sung yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, mô hình thông tin công trình trong thiết kế kiến trúc; đồng thời quy định cơ sở dữ liệu hành nghề kiến trúc tích hợp trong Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng. Quy định này là cơ sở đổi mới phương thức quản lý hành nghề từ hồ sơ giấy, tiền kiểm thủ công sang quản lý bằng dữ liệu, công khai năng lực, theo dõi quá trình hành nghề và

hậu kiểm. Chính phủ sẽ tiếp tục rà soát phạm vi, lộ trình, đối tượng áp dụng để không làm tăng chi phí đối với công trình quy mô nhỏ, khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Đối với Nghị quyết số 80-NQ/TW, dự thảo Luật đã cụ thể hóa yêu cầu bảo tồn, kế thừa, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc; bổ sung các yếu tố nhận diện như tổ chức không gian, hình thức kiến trúc, vật liệu, màu sắc, cảnh quan, tập quán sinh hoạt, điều kiện tự nhiên và giá trị văn hóa - lịch sử của cộng đồng dân cư. Đây là cơ sở khắc phục tình trạng quy định về bản sắc còn chung chung, thiếu tiêu chí và thiếu công cụ kiểm soát trong quy chế quản lý kiến trúc.

Trên cơ sở ý kiến thẩm tra, Chính phủ sẽ hoàn thiện Báo cáo rà soát chủ trương, đường lối của Đảng, Bản đánh giá thủ tục hành chính, phân quyền, phân cấp và các tài liệu liên quan theo hướng làm rõ hơn mức độ thể chế hóa từng nhóm chủ trương; đồng thời, tiếp tục rà soát để cắt giảm thủ tục, điều kiện hành nghề, chi phí tuân thủ không cần thiết nhưng vẫn bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, an toàn cộng đồng, chất lượng kiến trúc cảnh quan và yêu cầu hội nhập quốc tế.

4. Về việc thực hiện tuân thủ đúng Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị

Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, trong đó đảm bảo dự thảo Luật và các văn bản kèm theo tuân thủ đúng Quy định số 178-QĐ/TW, lưu ý không được “Cố ý, chủ trì ban hành hoặc tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thể hiện lợi ích nhóm, cục bộ” (khoản 1 Điều 5) và có các hành vi tham nhũng, lợi ích nhóm, cục bộ khác trong công tác xây dựng pháp luật theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đặc biệt, cần quy định cơ chế minh bạch, giới hạn ủy quyền rõ ràng đối với các khâu dễ phát sinh tiêu cực như: thi tuyển phương án kiến trúc, cấp CCHN và phê duyệt Quy chế quản lý kiến trúc. Do đó, để ngăn chặn nguy cơ “tham nhũng chính sách” và “lợi ích nhóm”, dự thảo Luật cần có quy định về cơ chế công khai, minh bạch dữ liệu, bắt buộc lấy ý kiến cộng đồng dân cư và yêu cầu giải trình chặt chẽ đối với mọi quyết định làm thay đổi các chỉ tiêu kiến trúc về không gian, chiều cao, hình khối, khoảng lùi, màu sắc, điểm nhấn kiến trúc, công trình có giá trị, hành lang cảnh quan...

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Dự thảo Luật đã được nghiên cứu theo hướng tăng kiểm soát quyền lực, phòng tham nhũng, lợi ích nhóm; giới hạn ủy quyền rõ ràng đối với các khâu dễ phát sinh tiêu cực theo 03 nhóm nội dung: (i) Quy chế quản lý kiến trúc và điều chỉnh quy chế phải công khai hồ sơ, bản vẽ, khu vực điều chỉnh, chỉ tiêu kiến trúc chính và nội dung tiếp thu ý kiến cộng đồng; (ii) thi tuyển kiến trúc phải công khai tiêu chí, thành phần hội đồng, kết quả chấm, phương án trúng tuyển, các thay đổi so với phương án trúng tuyển trong các bước thiết kế sau; (iii) cơ sở dữ liệu hành nghề phải công khai trạng thái chứng chỉ, thông tin vi phạm, thu hồi, đình chỉ để ngăn ngừa ký khống, thuê mượn chứng chỉ. Các nội dung này không làm tăng thủ tục hành chính mà tạo cơ sở minh bạch hóa hoạt động quản lý, phù hợp với yêu

cầu kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong xây dựng và thi hành pháp luật.

Bên cạnh đó, Chính phủ đã nghiên cứu, tiếp thu ý kiến các tổ chức, cá nhân, chuyên gia để thu hẹp các Công trình phải tổ chức thi tuyển kiến trúc, cụ thể đã quy định Công trình xây dựng khẩn cấp, cấp bách, công trình thuộc dự án đầu tư công đặc biệt, công trình thuộc dự án đầu tư công theo thủ tục đầu tư đặc biệt, công trình trung tâm thí nghiệm an toàn sinh học không bắt buộc phải thi tuyển kiến trúc; các quy định phạm vi, đối tượng lập quy chế quản lý kiến trúc được nghiên cứu phù hợp với điều kiện sáp nhập đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, công tác lấy ý kiến được thực hiện công khai, minh bạch đã góp phần đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo chỉ đạo của Nghị quyết số 04-NQ/TW, Quy định số 178-QĐ/TW, Nghị quyết số 244/2025/QH15 và Nghị quyết số 126/NQ-CP.

5. Về tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật và tính tương thích với điều ước quốc tế

5.1. Về tính thống nhất của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật

Về tính thống nhất với Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn: có ý kiến đề nghị nghiên cứu, hoàn thiện quy định để phân định minh bạch ranh giới pháp lý giữa hai đạo luật. Theo đó, Quy hoạch thiết lập “khung cứng” về hạ tầng kỹ thuật còn Quy chế quản lý kiến trúc tập trung kiểm soát “các yếu tố mềm và bản sắc” như hình thái không gian, vật liệu, màu sắc và chi tiết mặt đứng. Việc phân định rõ sẽ góp phần xử lý trường hợp một đối tượng công trình phải chịu sự “điều chỉnh kép”, gây chồng chéo thủ tục hành chính và ách tắc trong thẩm định dự án.

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Dự thảo Luật đã được rà soát theo hướng bảo đảm thống nhất với Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; trong đó, quy hoạch là căn cứ xác lập khung tổ chức không gian, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch, còn quy chế quản lý kiến trúc là công cụ cụ thể hóa yêu cầu quản lý kiến trúc cảnh quan, hình thái không gian, màu sắc, vật liệu, mặt đứng công trình và bản sắc kiến trúc trên cơ sở quy hoạch. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát và chỉnh lý Điều 14, Điều 15 Dự thảo Luật và các quy định liên quan bảo đảm quy chế quản lý kiến trúc không quy định lại, không làm thay nội dung của quy hoạch và không làm phát sinh thủ tục hành chính chồng chéo; đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung mẫu Quy chế quản lý kiến trúc để bảo đảm thống nhất, thuận lợi trong tổ chức thực hiện.

Về tính thống nhất với Luật Di sản văn hóa: có ý kiến cho rằng khoản 1 Điều 13 dự thảo Luật dẫn chiếu áp dụng pháp luật về di sản văn hóa đối với công trình di tích là chưa đầy đủ. Qua khảo sát thực tiễn, công tác quản lý đang bộc lộ “khoảng trống pháp lý” tại khu vực bảo vệ II và vùng đệm cảnh quan của di sản. Hình thái, chiều cao kiến trúc tại khu vực lân cận này tác động trực tiếp đến không gian nguyên gốc của di tích nhưng hiện chưa có công cụ kiểm soát hữu hiệu. Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc bổ sung quy phạm

điều chỉnh khu vực này; đồng thời, thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành giữa Hội đồng tư vấn kiến trúc và Hội đồng di sản văn hóa.

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Dự thảo Luật đã có quy định bảo đảm thống nhất với pháp luật về di sản văn hóa, theo đó công trình thuộc danh mục kiểm kê di tích, di tích đã được xếp hạng được quản lý theo pháp luật về di sản văn hóa; đồng thời các khu vực có yêu cầu quản lý về kiến trúc, cảnh quan, bản sắc, bao gồm khu vực lân cận di tích, được kiểm soát thông qua quy chế quản lý kiến trúc. Quy chế quản lý kiến trúc đã bao quát các yêu cầu về hình thái không gian, chiều cao, mật độ, màu sắc, vật liệu, mặt đứng công trình, cảnh quan và bản sắc kiến trúc của từng khu vực. Đây là công cụ phù hợp để kiểm soát tác động kiến trúc đối với khu vực bảo vệ II, vùng đệm cảnh quan và không gian tiếp giáp di tích trên cơ sở quy hoạch được phê duyệt và pháp luật về di sản văn hóa.

Về cơ chế phối hợp liên ngành giữa Hội đồng tư vấn kiến trúc và Hội đồng di sản văn hóa: Đối với Hội đồng tư vấn kiến trúc, cơ cấu, thành phần đã được quy định tại Nghị định hướng dẫn, trong đó bao gồm các chuyên gia về kiến trúc, quy hoạch, văn hóa và các lĩnh vực chuyên môn có liên quan. Theo đó, khi xem xét các công trình, khu vực có yếu tố di sản, Hội đồng tư vấn kiến trúc đã có cơ sở để lấy ý kiến chuyên gia văn hóa, di sản và phối hợp với cơ quan quản lý di sản văn hóa theo quy định hiện hành.

Cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị không bổ sung cơ chế phối hợp liên ngành riêng giữa Hội đồng tư vấn kiến trúc và Hội đồng di sản văn hóa trong dự thảo Luật, nhằm tránh làm phát sinh thêm thiết chế, quy trình hoặc thủ tục hành chính mới. Việc phối hợp chuyên môn giữa các cơ quan, hội đồng có liên quan sẽ tiếp tục được thực hiện theo pháp luật về kiến trúc, di sản văn hóa và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Về tính thống nhất với Luật Xây dựng: có ý kiến cho rằng, khoản 3 Điều 12 của dự thảo Luật quy định thiết kế kiến trúc phải xem xét toàn diện các yêu cầu về công năng, kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường... Tuy nhiên, Điều 20 của Luật Xây dựng cũng đã quy định thiết kế xây dựng (bao gồm thiết kế kiến trúc) phải đáp ứng các yêu cầu tương tự. Do đó, việc quy định các yêu cầu đối với thiết kế kiến trúc tại dự thảo Luật đang có sự trùng lặp và thiếu thống nhất với pháp luật về xây dựng, cần được tiếp tục cân nhắc sự cần thiết⁴.

Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 21 dự thảo Luật quy định điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc cho cả chức danh “Chủ nhiệm thiết kế xây dựng” có nguy cơ dẫn đến sự chồng chéo thẩm quyền cấp chứng chỉ giữa ngành Xây dựng và ngành Kiến trúc. Theo pháp luật về xây dựng (khoản 3 Điều 148 Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020; khoản 13 Điều 3 Nghị định 15/2021/NĐ-CP), “Chủ nhiệm thiết kế xây dựng” là người quản lý toàn diện các bộ môn bao gồm kiến trúc, kết cấu, cơ điện, phòng cháy chữa cháy. Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo

⁴ Ý kiến của Ủy ban Pháp luật và Tư pháp

làm rõ ranh giới áp dụng quy định này với Luật Xây dựng, cụ thể cần giải trình rõ việc một kỹ sư kết cấu hoặc kỹ sư cơ điện có năng lực làm chủ nhiệm thiết kế toàn bộ công trình thì có bắt buộc phải xin chứng chỉ hành nghề kiến trúc theo luật này hay không.

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Pháp luật về xây dựng (điểm c khoản 1 Điều 28 Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17/6/2026 của Chính phủ) quy định: “*Thiết kế xây dựng gồm: Thiết kế kiến trúc công trình (thực hiện theo quy định của pháp luật về kiến trúc); thiết kế xây dựng công trình; thiết kế cơ - điện công trình,*”, nên có một số yêu cầu chung với thiết kế xây dựng (quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn áp dụng; phòng cháy và chữa cháy; bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu...), dự thảo Luật đã có quy định theo hướng có các yêu cầu chung, đồng thời có yêu cầu riêng đặc thù của ngành kiến trúc, cụ thể: “*Thiết kế kiến trúc phải xem xét toàn diện các yêu cầu về kinh tế - xã hội, công năng, kỹ thuật, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bản sắc văn hóa dân tộc và các yêu cầu khác đối với công trình; bảo đảm người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em dễ dàng tiếp cận sử dụng; khuyến khích bình đẳng giới.*”.

Như nêu trên, thiết kế kiến trúc là cấu phần của thiết kế xây dựng, thực tiễn quá trình triển khai thiết kế xây dựng cho thấy, kiến trúc sư có vai trò dẫn dắt, điều phối các bộ môn trong thiết kế xây dựng (kết cấu, cơ điện, phòng cháy chữa cháy...), do vậy, dự thảo Luật quy định Kiến trúc sư có Chứng chỉ hành nghề được đảm nhận chức danh “Chủ nhiệm thiết kế xây dựng” là bảo đảm, đồng bộ với pháp luật về xây dựng; việc kỹ sư kết cấu hoặc kỹ sư cơ điện có năng lực làm chủ nhiệm thiết kế toàn bộ công trình được thực hiện theo pháp luật về xây dựng.

Về tính thống nhất với Luật Tổ chức chính quyền địa phương: có ý kiến cho rằng, khoản 4 Điều 14 và khoản 4 Điều 15 dự thảo Luật giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập, điều chỉnh và ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị có phạm vi không gian liên quan đến địa giới của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên. Tuy nhiên, theo điểm g khoản 2 Điều 11 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, đối với những vấn đề liên quan từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên, chính quyền cấp tỉnh giao cho một đơn vị hành chính cấp xã có liên quan chủ trì giải quyết. Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh lại quy định này để bảo đảm thống nhất với Luật Tổ chức chính quyền địa phương và chủ trương đẩy mạnh phân quyền theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”⁵.

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 11 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định “*Những vấn đề liên quan đến phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên thì thuộc thẩm quyền giải quyết của chính quyền địa phương cấp tỉnh*”; “*Căn cứ tình hình thực tiễn, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở trung ương*

⁵ Ý kiến của Ủy ban Pháp luật và Tư pháp

giao cho chính quyền địa phương của một trong các đơn vị hành chính cấp tỉnh có liên quan chủ trì giải quyết những vấn đề liên quan đến phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên”. Dự thảo Luật quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập điều chỉnh và ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị có phạm vi không gian liên quan đến địa giới của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên” đã bảo đảm phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

5.2. Về tính tương thích với điều ước quốc tế và hội nhập trong hoạt động kiến trúc

Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung, giải trình làm rõ các nội dung sau: (i) Đánh giá cụ thể tác động của việc không cấp CCHN đối với 05 chức danh kiến trúc (đặc biệt là thiết kế nội thất, thiết kế cảnh quan, thẩm tra thiết kế) trong việc tham gia Thỏa thuận Kiến trúc sư ASEAN. (ii) Báo cáo về các quy định hiện nay nhằm quản lý chất lượng các kiến trúc sư nước ngoài; nghiên cứu, cân nhắc bổ sung vào Điều 31 dự thảo Luật nguyên tắc quản lý chất lượng kiến trúc sư nước ngoài nếu hệ thống pháp luật hiện nay chưa có quy định. (iii) Bổ sung phụ lục, lập bảng rà soát đối chiếu chi tiết các cam kết về dịch vụ kiến trúc trong CPTPP, EVFTA, GATS với quy định của dự thảo Luật, kèm theo đánh giá tác động.

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

(i) Dự thảo Luật điều chỉnh phạm vi cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc (chỉ 2/7 hoạt động hành nghề) không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về dịch vụ kiến trúc trong ASEAN (MRA). Theo dự thảo Luật, cá nhân có trình độ từ đại học trở lên thuộc lĩnh vực kiến trúc, có kinh nghiệm tham gia hành nghề kiến trúc và đáp ứng yêu cầu về phát triển nghề nghiệp liên tục thì được cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc. Do đó, các cá nhân hành nghề thiết kế nội thất, thiết kế kiến trúc cảnh quan hoặc các lĩnh vực chuyên môn khác (thuộc lĩnh vực kiến trúc theo pháp luật về giáo dục) vẫn được cấp chứng chỉ hành nghề khi đáp ứng các điều kiện theo quy định. Theo MRA, chứng chỉ hành nghề của quốc gia thành viên là điều kiện cần để xem xét công nhận Kiến trúc sư ASEAN, ngoài ra còn xem xét các yêu cầu khác về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm hành nghề và các điều kiện theo Thỏa thuận. Vì vậy, quy định của dự thảo Luật không làm hạn chế cơ hội được xem xét công nhận là Kiến trúc sư ASEAN đối với các cá nhân hành nghề kiến trúc.

(ii) Đối với trường hợp quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi cấp chứng chỉ hành nghề chưa có điều ước quốc tế, dự thảo Luật đã có quy định kiến trúc sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam phải thực hiện thủ tục chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Việc bảo vệ bí mật nhà nước đối với các công trình phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh được thực hiện theo pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về xây dựng và các pháp luật xử phạt vi phạm hành chính.

(iii) Việc quản lý chất lượng kiến trúc sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam tại Điều 31 dự thảo Luật, quy định này không tạo “độ mở” không kiểm soát đối với kiến trúc sư nước ngoài, bên cạnh quy định người nước ngoài hành nghề

tại Việt Nam phải có chứng chỉ hành nghề, kiến trúc sư nước ngoài khi hành nghề tại Việt Nam vẫn phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chế quản lý kiến trúc, quy định về xây dựng, lao động, nhập cảnh, cư trú, hợp đồng, trách nhiệm nghề nghiệp và Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư hành nghề. Trường hợp vi phạm, cá nhân nước ngoài cũng bị xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam như các chủ thể hành nghề khác. Do đó, dự thảo Luật vừa bảo đảm nguyên tắc hội nhập, công nhận chứng chỉ theo điều ước quốc tế, vừa bảo đảm quản lý chất lượng hành nghề kiến trúc của người nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam. Chính phủ tiếp thu việc bổ sung phụ lục, lập bảng rà soát đối chiếu chi tiết các cam kết về dịch vụ kiến trúc trong CPTPP, EVFTA, GATS với quy định của dự thảo Luật, kèm theo đánh giá tác động.

6. Về tính khả thi của dự thảo Luật

Ủy ban KH, CN & MT thấy rằng, dự thảo Luật được xây dựng theo hướng luật khung, luật nguyên tắc, chỉ quy định những vấn đề có tính nền tảng, ổn định lâu dài, đồng thời giao Chính phủ và các bộ, ngành quy định chi tiết các nội dung thường xuyên biến động để bảo đảm tính linh hoạt, khả năng thích ứng với thực tiễn đa số các quy định trong dự thảo Luật **có tính khả thi**, phù hợp với định hướng đổi mới công tác lập pháp. Tuy nhiên, khi đối chiếu với năng lực thực tiễn và lộ trình triển khai, Ủy ban KH, CN & MT nhận thấy cần cân nhắc một số nội dung, cụ thể như sau:

(1) Việc phân cấp hoàn toàn cho Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập và ban hành Quy chế quản lý kiến trúc trong địa bàn do mình quản lý (nội dung sửa đổi tại khoản 4 Điều 14) là một nỗ lực nhằm cụ thể hóa chủ trương phân cấp, phân quyền. Tuy nhiên, kiến trúc và quy hoạch là lĩnh vực chuyên môn sâu và trong Báo cáo tổng kết thi hành Luật Kiến trúc năm 2019 (trang 22) đã thừa nhận nguồn lực tài chính và đội ngũ cán bộ chuyên môn ở địa phương, đặc biệt là cấp xã, hiện nay còn rất mỏng và thiếu đồng đều. Đặc biệt, có ý kiến cho rằng, dự thảo Luật đang bộc lộ khoảng trống pháp lý về nguồn lực tài chính thực thi khi phân cấp cho cấp xã. Việc lập Quy chế quản lý kiến trúc đòi hỏi phải thuê đơn vị tư vấn khảo sát, lập bản vẽ, tiêu tốn rất nhiều kinh phí. Trong khi đó, theo hệ thống pháp luật về ngân sách hiện hành, Ủy ban nhân dân cấp xã không có danh mục chi ngân sách độc lập cho công tác quy hoạch, kiến trúc chuyên sâu này. Việc giao nhiệm vụ này cho cấp xã ngay thời điểm hiện nay vẫn còn một số khó khăn. Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc chỉnh lý khoản 4 Điều 14 Luật hiện hành theo hướng: cấp xã tổ chức lập Quy chế quản lý kiến trúc, cơ quan chuyên môn cấp trên thẩm định hoặc có ý kiến thống nhất bằng văn bản trước khi ban hành nhằm bảo đảm tính đồng bộ, khả thi. Đồng thời, đề nghị nghiên cứu, cân nhắc quy định giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành “Khung quy chế mẫu” để cấp xã có cơ sở áp dụng thống nhất, tránh tình trạng ban hành tùy tiện, phá vỡ định hướng quy hoạch và không gian kiến trúc liên xã. Bên cạnh đó, cần có quy định để tạo tiền đề cho việc phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn đáp ứng được các yêu cầu về kiến trúc ở cấp xã khi việc phân cấp cho cấp xã được thực thi khi luật có hiệu lực.

Có ý kiến đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình rõ nguồn kinh phí

để cấp xã tổ chức thực hiện việc lập quy chế. Việc giao nhiệm vụ cho cấp xã mà không có cơ chế phân bổ dòng vốn đầu tư công hoặc ngân sách chi thường xuyên có nguy cơ dẫn đến vướng mắc, phát sinh yêu cầu phải sửa đổi Luật Ngân sách nhà nước. Do đó, để tháo gỡ khó khăn về nguồn lực cho cấp xã, có ý kiến đề nghị cần bổ sung cơ chế Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm hỗ trợ về chuyên môn, bố trí kinh phí và giao cơ quan chuyên môn cấp tỉnh phối hợp tổ chức lập quy chế trước khi trình cấp xã ban hành⁶. Trong quá trình lập, rà soát quy chế, đặc biệt tại các khu vực có di sản văn hóa hoặc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, cần quy định mang tính nguyên tắc về việc bắt buộc phải lấy ý kiến cơ quan quản lý văn hóa, cộng đồng dân cư, người có uy tín và nghệ nhân am hiểu văn hóa truyền thống⁷.

Về nội dung này, Chính phủ xin tiếp thu ý kiến nêu trên, đã chỉnh sửa dự thảo Luật theo hướng: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập và ban hành quy chế quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập và ban hành quy chế quản lý kiến trúc có phạm vi thuộc hoàn toàn trong địa giới đơn vị hành chính cấp xã khi đáp ứng đủ điều kiện về tổ chức bộ máy, cán bộ và năng lực chuyên môn. Trường hợp quy chế quản lý kiến trúc nông thôn được tích hợp trong nội dung quy hoạch chung xã thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chung xã đồng thời ban hành quy chế quản lý kiến trúc nông thôn.” để bảo đảm linh hoạt trong quá trình thực hiện.

Tại Phụ lục II, Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc đã có quy định nội dung “Mẫu hướng dẫn lập quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn” để cấp xã có cơ sở áp dụng thống nhất; việc nghiên cứu lập Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn cũng phải phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung xã, định hướng phát triển kiến trúc của tỉnh, các yêu cầu về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc. Ngoài ra, trong quá trình tổ chức lập Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lấy ý kiến của cơ quan chuyên môn về quy hoạch, kiến trúc, văn hóa cấp tỉnh để bảo đảm thống nhất định hướng quy hoạch và không gian kiến trúc liên xã.

(2) Việc bãi bỏ hoàn toàn thủ tục thi sát hạch cấp chứng chỉ (bãi bỏ Điều 26) và chuyển sang cơ chế quản lý tự động thông qua Cơ sở dữ liệu hành nghề kiến trúc (Điều 24) là phù hợp với định hướng cải cách thủ tục hành chính. Tuy nhiên, cơ chế “hậu kiểm” này chỉ thực sự khả thi khi hệ thống dữ liệu quốc gia được hoàn thiện, liên thông đồng bộ để có thể tự động xác thực chéo các thông tin tự kê khai (ví dụ như xác thực yêu cầu “03 năm kinh nghiệm” tại khoản 3 Điều 21). Việc dự thảo quy định Luật có hiệu lực từ ngày 01/3/2027 trong bối cảnh hạ tầng công nghệ thông tin tại nhiều địa phương có thể chưa sẵn sàng sẽ có khả năng tạo ra một khoảng trống pháp lý về hành nghề kiến trúc. Do đó, đề nghị có báo cáo cụ thể về tiến độ hoàn thiện, bảo đảm liên thông Hệ thống thông tin, Cơ

⁶ Ý kiến của Ủy ban Công tác đại biểu

⁷ Ý kiến của Ủy ban Văn hóa và Xã hội và Hội đồng Dân tộc.

sở dữ liệu quốc gia về hoạt động kiến trúc trước thời điểm Luật dự kiến có hiệu lực (ngày 01/3/2027). Trường hợp hạ tầng số chưa thể sẵn sàng đồng bộ trên phạm vi toàn quốc, đề nghị cân nhắc thiết kế **điều khoản chuyển tiếp** hoặc **lộ trình áp dụng riêng** đối với việc bãi bỏ thủ tục sát hạch cấp chứng chỉ, đồng thời bổ sung các công cụ xác thực thông tin tại Điều 24, bảo đảm không để xảy ra “khoảng trống quản lý” trong giai đoạn chuyển tiếp.

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Việc quản lý cơ sở dữ liệu hành nghề kiến trúc được tích hợp trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng sẵn có của Chính phủ và đã đi vào vận hành; cơ sở dữ liệu về hành nghề kiến trúc trong giai đoạn trước khi tiến hành sửa đổi Luật cũng đã được Chính phủ tiếp nhận thông tin của các địa phương và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ bảo đảm thời điểm Luật dự kiến có hiệu lực (ngày 01/3/2027) có thể đi vào hoạt động. Chính phủ tiếp thu ý kiến Cơ quan thẩm tra và tiếp tục nghiên cứu thiết kế điều khoản chuyển tiếp hoặc lộ trình áp dụng riêng đối với việc bãi bỏ thủ tục sát hạch cấp chứng chỉ, đồng thời bổ sung các công cụ xác thực thông tin tại Điều 24, bảo đảm không để xảy ra “khoảng trống quản lý” trong giai đoạn chuyển tiếp.

(3) Có ý kiến cho rằng, đối với cơ chế xác thực chéo dữ liệu hành nghề tại khoản 2 Điều 24 dự thảo Luật quy định hệ thống này do cơ quan chuyên môn về kiến trúc cấp tỉnh đăng tải, cập nhật theo đề nghị của cá nhân. Quy định này dường như đi ngược lại định hướng chuyển sang cơ chế “tự động” và “hậu kiểm” của Chính phủ, bởi việc bắt buộc cá nhân phải “đề nghị” và chờ cơ quan cấp tỉnh “đăng tải, cập nhật” thực chất vẫn là quy trình “tiền kiểm” thủ công, tạo ra một dạng thủ tục hành chính mới (giấy phép con). Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, thiết kế giải pháp bắt buộc hệ thống công nghệ thông tin phải cho phép cá nhân tự đăng ký và tự động ghi nhận bằng thuật toán, cơ quan nhà nước chỉ sử dụng công cụ quét dữ liệu để thực hiện chức năng hậu kiểm.

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng hiện nay đã đi vào vận hành, hoạt động; Chính phủ xin tiếp thu ý kiến về nghiên cứu, thiết kế giải pháp bắt buộc hệ thống công nghệ thông tin phải cho phép cá nhân tự đăng ký và tự động ghi nhận bằng thuật toán, cơ quan nhà nước chỉ sử dụng công cụ quét dữ liệu để thực hiện chức năng hậu kiểm để không tạo ra thủ tục hành chính mới (giấy phép con).

(4) Để nâng cao tính khả thi của dự án Luật, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, tham khảo thêm kinh nghiệm quốc tế của một số quốc gia (như Trung Quốc, Nga...) về các nội dung: quy chế quản lý kiến trúc, quản lý công trình kiến trúc có giá trị, thi tuyển phương án kiến trúc và điều kiện hành nghề để vận dụng linh hoạt, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Ngoài ra, có ý kiến đề nghị nghiên cứu, xem xét thiết lập cơ chế để xử lý các trường hợp buông lỏng quản lý về kiến trúc đối với các dự án khu đô thị mới, công trình quy mô lớn sử dụng vốn ngoài ngân sách, đồng thời phân định rõ phạm vi điều chỉnh với pháp luật về xây dựng, quy hoạch để đảm bảo tính khả thi của luật.

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Chính phủ đã nghiên cứu, rà soát ý kiến nêu trên và nhận thấy việc tham khảo kinh nghiệm quốc tế là cần thiết để nâng cao tính khả thi của dự thảo Luật. Trên cơ sở kết quả tổng kết thi hành Luật Kiến trúc và kết quả chuyển công tác, trao đổi kinh nghiệm tại Trung Quốc và Liên bang Nga, Chính phủ đã tiếp thu có chọn lọc các kinh nghiệm phù hợp với điều kiện chính trị, pháp lý và thực tiễn quản lý của Việt Nam.

Kinh nghiệm của Trung Quốc và Liên bang Nga cho thấy quản lý kiến trúc không chỉ dừng ở việc quản lý hình thức công trình đơn lẻ, mà cần đặt trong tổng thể quản lý quy hoạch không gian, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan, không gian công cộng, bảo tồn bản sắc và chuyển đổi số. Đối với các khu vực, công trình có yêu cầu cao về cảnh quan, các đô thị được nghiên cứu đều sử dụng các công cụ như quy hoạch, thiết kế đô thị, quy định kiểm soát chiều cao, khối tích, mặt đứng, vật liệu, màu sắc, mô hình không gian ba chiều, hội đồng chuyên môn và cơ chế lựa chọn phương án kiến trúc để kiểm soát chất lượng không gian đô thị. Đối với hành nghề kiến trúc, kinh nghiệm quốc tế cũng cho thấy cần quản lý đồng thời năng lực cá nhân kiến trúc sư, tổ chức hành nghề, trách nhiệm nghề nghiệp, đào tạo liên tục và trách nhiệm đối với sản phẩm thiết kế.

Từ các kinh nghiệm nêu trên, dự thảo Luật đã được xây dựng theo hướng hoàn thiện các công cụ quản lý kiến trúc chủ yếu gồm: quy định rõ hơn yếu tố nhận diện bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc; làm rõ yêu cầu đối với kiến trúc đô thị, kiến trúc nông thôn; xác định hồ sơ thiết kế kiến trúc là thành phần của hồ sơ thiết kế xây dựng; hoàn thiện quy định về quy chế quản lý kiến trúc; rà soát đối tượng thi tuyển phương án kiến trúc; tiếp tục quản lý năng lực hành nghề kiến trúc đối với các chức danh có tác động trực tiếp đến chất lượng kiến trúc, an toàn cộng đồng, mỹ quan đô thị và không gian nông thôn.

Đối với ý kiến về cơ chế xử lý trường hợp buông lỏng quản lý kiến trúc đối với dự án khu đô thị mới, công trình quy mô lớn sử dụng vốn ngoài ngân sách, Chính phủ xin tiếp thu theo hướng tiếp tục rà soát quy định tại Điều 14, Điều 15 và Điều 17 của dự thảo Luật để bảo đảm việc kiểm soát chất lượng kiến trúc không phụ thuộc đơn thuần vào nguồn vốn đầu tư, mà căn cứ vào tính chất, quy mô, vị trí, mức độ tác động của công trình, dự án đối với không gian, cảnh quan, hạ tầng và diện mạo đô thị, nông thôn. Theo đó, các dự án, công trình có tính chất điểm nhấn, biểu tượng, có tác động lớn đến cảnh quan, không gian công cộng hoặc nằm tại khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù phải được kiểm soát thông qua quy hoạch, quy chế quản lý kiến trúc, thiết kế kiến trúc, thẩm định thiết kế, cấp phép xây dựng và thi tuyển, tuyển chọn phương án kiến trúc theo quy định của pháp luật có liên quan.

Về phân định phạm vi điều chỉnh với pháp luật về quy hoạch và pháp luật về xây dựng, dự thảo Luật đã tiếp cận theo nguyên tắc: pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn xác lập định hướng phát triển không gian, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, chỉ tiêu quy hoạch và tổ chức không gian; pháp luật về xây dựng điều chỉnh hoạt động đầu tư xây dựng, thẩm định thiết kế, cấp phép xây dựng, quản lý chất lượng công trình; còn Luật Kiến trúc tập trung điều chỉnh công cụ quản lý

kiến trúc, bản sắc, hình thái không gian, chất lượng kiến trúc, cảnh quan, công trình kiến trúc có giá trị và tiêu chuẩn năng lực hành nghề kiến trúc. Chính phủ xin tiếp thu, tiếp tục rà soát kỹ thuật lập pháp để bảo đảm các quy định của dự thảo Luật không trùng lặp, không làm phát sinh thủ tục hành chính không cần thiết và không tạo khoảng trống quản lý đối với các dự án, công trình có tác động lớn đến không gian kiến trúc, cảnh quan.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ

1. Về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc (Sửa đổi, thay thế Điều 5) và yêu cầu đối với kiến trúc đô thị, kiến trúc nông thôn (Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 11)

Ủy ban KH, CN & MT **cơ bản tán thành** nội dung sửa đổi Điều 5 dự thảo Luật, nhằm cụ thể hóa các yếu tố nhận diện bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc (như hình thái không gian, chiều cao, vật liệu, màu sắc) thay vì chỉ quy định mang tính nguyên tắc chung như Luật hiện hành. Tuy nhiên, việc dự thảo Luật (tại nội dung sửa đổi khoản 3 Điều 5 và khoản 4 Điều 14) phân cấp cho Ủy ban nhân dân các cấp (bao gồm cả cấp xã) tự xác định và cụ thể hóa bản sắc văn hóa dân tộc có thể có những khó khăn, vướng mắc trong thời điểm hiện nay. Hơn nữa, văn hóa và kiến trúc là lĩnh vực chuyên môn sâu, mang tính hệ thống, liên vùng và xuyên suốt. Nhằm bảo đảm tính khả thi và thống nhất trong quản lý nhà nước, Ủy ban KH, CN & MT đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, rà soát để phân cấp phải đi đôi với phân quyền và đảm bảo đủ nguồn lực thực hiện đối với cấp xã, đúng với chủ trương của Đảng về chính quyền 2 cấp ở địa phương hiện nay. Bên cạnh đó, có ý kiến đề nghị nghiên cứu, cân nhắc chỉnh lý quy định này theo hướng thiết lập khung tiêu chí đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, cụ thể: **(i) Đối với cấp Trung ương:** Giao Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Khung tiêu chí và bộ chỉ số định lượng cơ bản về bản sắc kiến trúc theo vùng, miền sinh thái, văn hóa làm nền tảng áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc; **(ii) Đối với cấp địa phương:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền ban hành Bộ tiêu chí, Khung hướng dẫn chung về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc trên địa bàn tỉnh (trên cơ sở cụ thể hóa Khung của Trung ương). Các cấp hành chính dưới tỉnh căn cứ vào quy định này để tổ chức thực thi, không tự quy định lại các tiêu chí về bản sắc văn hóa.

Về bản sắc văn hóa dân tộc, có ý kiến cho rằng các quy định hiện nay mang tính định tính, dễ dẫn đến tình trạng các địa phương hiểu không thống nhất hoặc sao chép công trình cổ một cách cơ học (nhại cổ). Do đó, cần quy định rõ nội hàm “bản sắc” không chỉ dừng ở hình thức, vật liệu, màu sắc bên ngoài, mà phải bao quát cả kiến trúc nội thất, các quần thể kiến trúc làng cổ, phố cổ⁸; gắn kết chặt chẽ với cấu trúc không gian sống, điều kiện khí hậu, sinh kế và kỷ ức đô thị. Bên cạnh đó, tiêu chí nhận diện cần liên hệ mật thiết với di sản văn hóa phi vật thể (phong tục tập quán, tín ngưỡng, tri thức dân gian), đặc biệt là tại khu vực đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi⁹. Đối với kiến trúc nông thôn, cần bổ sung

⁸ Ý kiến của Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại

⁹ Ý kiến của Hội đồng Dân tộc và Ủy ban Văn hóa và Xã hội

quy định về yêu cầu bảo vệ cảnh quan văn hóa lịch sử, đặc biệt là không gian xung quanh các công trình tín ngưỡng, công cộng truyền thống (đình, chùa, nhà rông, nhà sàn)¹⁰.

Ngoài những yêu cầu về bảo tồn bản sắc, một số ý kiến đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, nghiên cứu bổ sung các nguyên tắc về phát triển kiến trúc xanh, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đồng thời, đối với quy định về yêu cầu đối với kiến trúc công trình (Điều 11), cần bổ sung cơ chế kiểm soát nhằm nâng cao chất lượng kiến trúc đối với các công trình công cộng, công trình giao thông, công trình khu vực ven sông và các khu vực phát triển đô thị mới có tác động lớn đến diện mạo cảnh quan. Đặc biệt, cần thiết kế quy phạm nhằm chuyển đổi tư duy từ việc chủ yếu quản lý “chiều cao” công trình sang quản lý tổng thể “hiệu quả không gian đô thị”; bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa kiến trúc công trình với năng lực chịu tải của hạ tầng giao thông, chất lượng không gian công cộng và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc, dự thảo Luật đã sửa đổi Điều 5 theo hướng cụ thể hóa nội hàm và các yếu tố nhận diện bản sắc, gồm khu vực, tuyến phố, điểm dân cư, công trình có giá trị kiến trúc cần bảo tồn, kế thừa; các đặc trưng chủ yếu về hình thái không gian, chiều cao, mật độ xây dựng, vật liệu, màu sắc, hình thức kiến trúc tổng thể và tại từng khu vực; yêu cầu kế thừa, phát huy giá trị kiến trúc truyền thống phù hợp với điều kiện phát triển đô thị và nông thôn. Quy định này nhằm khắc phục hạn chế của Luật hiện hành là còn thiên về nguyên tắc chung, chưa tạo đủ cơ sở để địa phương cụ thể hóa trong quy chế quản lý kiến trúc.

Đối với ý kiến về phân cấp cho cấp xã, Chính phủ xin tiếp thu theo hướng rà soát, chỉnh lý để bảo đảm phân cấp, phân quyền gắn với điều kiện tổ chức thực hiện, phạm vi quản lý và cơ chế kiểm soát. Quy định Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm xác định và cụ thể hóa bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc được hiểu là trách nhiệm thực hiện trong quá trình tổ chức lập, ban hành, điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc theo thẩm quyền, không phải là việc mỗi cấp tự đặt ra một hệ tiêu chí độc lập, tách rời quy hoạch, điều kiện tự nhiên, văn hóa, lịch sử và yêu cầu quản lý chung của địa phương. Đối với các khu vực có phạm vi liên quan từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên hoặc có yêu cầu quản lý thống nhất, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập và ban hành quy chế quản lý kiến trúc để bảo đảm tính liên vùng, liên xã và sự thống nhất trong quản lý. Đối với quy chế trong phạm vi địa bàn cấp xã, chính quyền cấp xã tổ chức thực hiện trên cơ sở quy hoạch được duyệt, quy chuẩn, tiêu chuẩn, hướng dẫn chuyên môn và sự kiểm tra, hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.

Đối với đề xuất thiết lập khung tiêu chí đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, Chính phủ xin nghiên cứu tiếp thu. Tuy nhiên, do bản sắc văn hóa dân

¹⁰ Ý kiến của Ủy ban Văn hóa và Xã hội

tộc trong kiến trúc có tính đa dạng, phụ thuộc vào vùng, miền, điều kiện tự nhiên, lịch sử, văn hóa, tập quán sinh hoạt, vật liệu và kỹ thuật xây dựng địa phương, việc luật hóa bộ chỉ số định lượng cứng ở cấp Luật có thể dẫn đến thiếu linh hoạt, khó bao quát đầy đủ đặc thù vùng miền. Vì vậy, dự thảo Luật quy định các nguyên tắc, yếu tố nhận diện và trách nhiệm của các cấp; các nội dung cụ thể về phương pháp xác định, yêu cầu thể hiện trong quy chế quản lý kiến trúc, sự phối hợp giữa ngành xây dựng và ngành văn hóa sẽ được nghiên cứu, quy định chi tiết tại văn bản quy định chi tiết dưới Luật để vừa bảo đảm thống nhất quản lý nhà nước, vừa tạo điều kiện cho địa phương cụ thể hóa phù hợp thực tiễn (Quyết định số 1246/QĐ-TTg ngày 19/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã làm rõ hơn nội dung về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc).

Về kiến trúc xanh, sử dụng vật liệu thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng và thích ứng với biến đổi khí hậu, Chính phủ xin tiếp thu và đã thể hiện trong dự thảo Luật thông qua các quy định về nguyên tắc hoạt động kiến trúc, yêu cầu đối với kiến trúc đô thị, kiến trúc nông thôn và yêu cầu thiết kế kiến trúc. Dự thảo đã bổ sung yêu cầu kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, ưu tiên sử dụng vật liệu địa phương và giải pháp kỹ thuật xây dựng tiên tiến; xem xét toàn diện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, thích ứng biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai. Chính phủ sẽ tiếp tục rà soát ngôn ngữ quy phạm tại Điều 11 và Điều 12 để thể hiện rõ hơn định hướng phát triển kiến trúc xanh, bền vững; các quy định chi tiết về tiêu chuẩn kỹ thuật công trình xanh sẽ thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về xây dựng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Chính phủ xin tiếp thu ý kiến về nội hàm “bản sắc” không chỉ dừng ở hình thức, vật liệu, màu sắc bên ngoài, mà phải bao quát cả kiến trúc nội thất, các quần thể kiến trúc làng cổ, phố cổ; gắn kết chặt chẽ với cấu trúc không gian sống, điều kiện khí hậu, sinh kế và ký ức đô thị; đã quy định nội dung về “*Bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc được xác định, nhận diện thông qua các yếu tố sau: a) Khu vực, tuyến phố, điểm dân cư, công trình kiến trúc có giá trị cần bảo tồn, kế thừa; b) Các đặc trưng chủ yếu về hình thái không gian, chiều cao, mật độ xây dựng, vật liệu, màu sắc và hình thức kiến trúc tổng thể và tại từng khu vực; c) Yêu cầu về kế thừa, phát huy giá trị kiến trúc truyền thống phù hợp với điều kiện phát triển đô thị và nông thôn*”.

Đối với ý kiến về cơ chế kiểm soát chất lượng kiến trúc các công trình công cộng, công trình giao thông, công trình khu vực ven sông, khu vực phát triển đô thị mới có tác động lớn đến diện mạo cảnh quan, Chính phủ xin tiếp thu theo hướng tiếp tục rà soát quy định về nội dung quy chế quản lý kiến trúc và thi tuyển, tuyển chọn phương án kiến trúc. Các nội dung về chiều cao, khối tích, mật độ, hình thức kiến trúc, màu sắc, vật liệu, mặt đứng, quan hệ với không gian công cộng, tuyến phố, quảng trường, mặt nước, khu vực ven sông, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình giao thông và khu vực phát triển mới cần được cụ thể hóa trong quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý kiến trúc và hồ sơ thiết kế xây dựng theo cấp độ phù hợp nhằm bảo đảm chuyển đổi tư duy từ việc chủ yếu quản

lý “chiều cao” công trình sang quản lý tổng thể “hiệu quả không gian đô thị”; bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa kiến trúc công trình với năng lực chịu tải của hạ tầng giao thông, chất lượng không gian công cộng và thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Về ứng dụng chuyển đổi số và BIM trong thiết kế (Bổ sung khoản 4a Điều 12)

Ủy ban KH, CN & MT cơ bản nhất trí với việc bổ sung khoản 4a Điều 12, theo đó, yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới sáng tạo và mô hình thông tin công trình (BIM) trong hồ sơ thiết kế kiến trúc nhằm thể chế hóa chủ trương chuyển đổi số quốc gia. Tuy nhiên, việc bắt buộc áp dụng cho mọi công trình cần có đánh giá về tính khả thi. Thực tế, chi phí bản quyền phần mềm BIM và chi phí thuê kỹ sư dựng mô hình 3D có thể rất tốn kém. Việc áp dụng cứng quy định này cho cả các công trình quy mô nhỏ, công trình tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa có thể sẽ gây lãng phí nguồn lực và tạo gánh nặng chi phí tuân thủ bất hợp lý cho người dân, doanh nghiệp. Hơn nữa, cơ quan thẩm định tại địa phương cũng khó đảm bảo đủ hạ tầng máy chủ và nhân lực để đọc, lưu trữ các mô hình này. Đề nghị nghiên cứu, cân nhắc chỉnh lý khoản 4a Điều 12 theo hướng: Áp dụng có lộ trình và phân loại đối tượng bắt buộc (xem xét chỉ bắt buộc đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt, dự án sử dụng vốn đầu tư công; khuyến khích đối với các công trình khác), đồng thời giao Chính phủ quy định lộ trình áp dụng cụ thể tương xứng với năng lực công nghệ của xã hội. Có ý kiến cho rằng, không nên chuyển từ “đảm bảo bình đẳng giới” sang “khuyến khích bình đẳng giới”, hoặc nếu chuyển thì phải giao Chính phủ hướng dẫn lồng ghép các yêu cầu này để đảm bảo không gian thiết kế bao trùm, thân thiện với các nhóm yếu thế như phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật.

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Việc bổ sung quy định về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và mô hình thông tin công trình trong hồ sơ thiết kế kiến trúc nhằm thể chế hóa chủ trương về chuyển đổi số quốc gia, đồng thời phù hợp với xu hướng quản lý kiến trúc bằng dữ liệu, mô hình số, BIM, GIS và nền tảng thông tin công trình; đây cũng là nhiệm vụ triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW. Tuy nhiên, Chính phủ thống nhất với ý kiến thẩm tra rằng việc áp dụng BIM cần có lộ trình, đối tượng áp dụng và yêu cầu kỹ thuật phù hợp với quy mô, cấp công trình, tính chất dự án, khả năng đáp ứng của chủ đầu tư, tổ chức tư vấn và cơ quan quản lý nhà nước.

Dự thảo Luật hiện quy định việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo “*phù hợp với yêu cầu quản lý, quy mô công trình*” và việc áp dụng mô hình thông tin công trình được thực hiện “*theo quy định của pháp luật về xây dựng*”. Như vậy, dự thảo Luật không đặt ra yêu cầu áp dụng BIM cứng nhắc, đồng loạt cho mọi công trình, mọi loại hồ sơ thiết kế kiến trúc, mà chỉ xác lập nguyên tắc ở cấp luật; đối tượng, lộ trình, mức độ áp dụng, tiêu chuẩn dữ liệu, phương thức nộp, lưu trữ, khai thác và kiểm tra mô hình sẽ **thực hiện theo pháp luật về xây dựng và các văn bản quy định chi tiết**.

Để tránh cách hiểu bắt buộc áp dụng BIM cho mọi công trình ngay khi Luật có hiệu lực, Chính phủ xin tiếp thu, nghiên cứu chỉnh lý khoản 4a Điều 12 theo hướng rõ hơn như sau: “*Khi thiết kế kiến trúc, lập hồ sơ thiết kế kiến trúc phải*

thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo phù hợp với yêu cầu quản lý, cấp công trình, quy mô, tính chất công trình; việc áp dụng mô hình thông tin công trình để thể hiện giải pháp kỹ thuật về kiến trúc trong hồ sơ thiết kế được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và lộ trình do Chính phủ quy định”.

Cách chỉnh lý nêu trên bảo đảm Luật Kiến trúc chỉ quy định nguyên tắc, không làm phát sinh gánh nặng chi phí tuân thủ bất hợp lý đối với công trình quy mô nhỏ, nhà ở riêng lẻ, công trình tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa; đồng thời tạo cơ sở pháp lý để Chính phủ, Chính phủ quy định lộ trình áp dụng phù hợp với năng lực hạ tầng số, nhân lực chuyên môn, tiêu chuẩn dữ liệu và điều kiện tiếp nhận, thẩm định, lưu trữ của cơ quan nhà nước.

Chính phủ tiếp thu ý kiến về bảo đảm bình đẳng giới và đã chỉnh sửa dự thảo Luật theo hướng “bảo đảm bình đẳng giới trong hoạt động kiến trúc và tiếp cận bình đẳng cho mọi đối tượng sử dụng công trình”.

3. Về công trình kiến trúc có giá trị (Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13)

Ủy ban KH, CN & MT đánh giá đây là một trong những chế định trọng tâm, thu hút sự quan tâm và ghi nhận nhiều ý kiến phản biện từ các địa phương, chuyên gia và Hội Kiến trúc sư Việt Nam. Qua kết quả khảo sát thực tiễn, việc triển khai công tác nhận diện, lập danh mục tại các địa phương hiện vẫn còn lúng túng, thiếu tính đồng bộ; nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc thiếu hụt các tiêu chí định lượng và nguyên tắc phân loại cụ thể. Nhằm bảo đảm tính minh bạch, khả thi và tính thống nhất của hệ thống pháp luật, Ủy ban KH, CN & MT đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, rà soát và bổ sung các nội dung sau:

(i) về tiêu chí nhận diện và phân loại: Yêu cầu luật hóa các tiêu chí cốt lõi làm cơ sở pháp lý để nhận diện, phân loại công trình kiến trúc có giá trị; khắc phục triệt để tình trạng áp dụng tùy tiện hoặc thiếu nhất quán giữa các địa phương;

(ii) về phân định thẩm quyền: Đề nghị quy định rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quy trình tổ chức lập, phê duyệt, công bố và điều chỉnh Danh mục;

(iii) về ranh giới pháp lý: Nội dung sửa đổi khoản 1 Điều 13 dự thảo Luật đã khẳng định việc quản lý công trình kiến trúc đã xếp hạng, công trình thuộc danh mục kiểm kê di tích theo pháp luật về di sản văn hóa. Tuy nhiên, cần tiếp tục thiết kế quy định để xử lý hài hòa, rạch ròi mối quan hệ giữa danh mục công trình kiến trúc có giá trị (theo Luật Kiến trúc) và danh mục di tích (theo Luật Di sản văn hóa), tránh tình trạng quản lý chồng chéo. Hơn nữa, có ý kiến cho rằng, trên thực tế có thể phát sinh trường hợp một công trình đồng thời thuộc Danh mục công trình kiến trúc có giá trị và Danh mục kiểm kê di tích, do đó cần quy định rõ nguyên tắc ưu tiên áp dụng pháp luật về di sản văn hóa đối với trường hợp này để tránh lúng túng trong quản lý¹¹.

Đồng thời, dự thảo Luật cần bổ sung các quy định để lấp đầy “khoảng trống

¹¹ Ý kiến của Ủy ban Công tác đại biểu

pháp lý” trong việc kiểm soát không gian kiến trúc tại vùng đệm, vùng lân cận bao quanh các di sản văn hóa. Thực tế hiện nay, nhiều công trình cao tầng nằm ngoài ranh giới bảo vệ của Luật Di sản văn hóa nhưng lại có chiều cao, hình thái kiến trúc đe dọa trực tiếp đến cảnh quan và không gian nguyên gốc của di tích, trong khi pháp luật hiện hành chưa quy định rõ cơ quan nào có thẩm quyền và tiêu chí nào để xác định “nguy cơ ảnh hưởng xấu” đến cảnh quan di tích. Do đó, Luật Kiến trúc phải là công cụ pháp lý điều chỉnh trực tiếp đối với vùng không gian lân cận này. Vì vậy, có ý kiến đề nghị bổ sung quy định khi lập quy chế quản lý kiến trúc hoặc danh mục công trình kiến trúc có giá trị tại các khu vực này, bắt buộc phải lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về văn hóa cùng cấp trước khi phê duyệt, nhằm tránh xung đột giữa hai hệ thống công cụ quản lý.

(iv) về cơ chế tham vấn và chính sách bảo tồn: Để bảo đảm tính khách quan và kiểm soát quyền lực, dự thảo Luật cần thiết kế cơ chế tham vấn ý kiến của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, hội đồng chuyên gia độc lập và cộng đồng dân cư trước khi quyết định đưa công trình vào Danh mục. Đồng thời, có ý kiến đề nghị cần bổ sung quy định về hình thức công khai Danh mục và thiết lập cơ chế để người dân, cộng đồng giám sát, phản ánh khi phát hiện công trình có giá trị bị bỏ sót¹². Cùng với đó, cần nghiên cứu bổ sung cơ chế quản lý, bảo tồn đặc thù, bảo đảm hài hòa quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu đối với các công trình có giá trị kiến trúc nổi bật nhưng chưa đủ điều kiện xếp hạng di tích. Để giải quyết bài toán giữa yêu cầu bảo tồn và áp lực phát triển, đề nghị tham khảo kinh nghiệm quốc tế để luật hóa các cơ chế khuyến khích về mặt kinh tế đối với chủ sở hữu (ví dụ: chính sách ưu đãi không gian xây dựng, chuyển nhượng quyền phát triển không gian) nhằm tạo động lực thực chất cho công tác bảo tồn.

Về nội dung này, Chính phủ xin tiếp thu ý kiến của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường và sẽ tiếp tục rà soát, chỉnh lý Điều 13 theo hướng làm rõ hơn cơ sở pháp lý, thẩm quyền và công cụ quản lý đối với công trình kiến trúc có giá trị theo các nội dung sau:

Về tiêu chí nhận diện, phân loại, Chính phủ sẽ tiếp tục nghiên cứu, xem xét để bổ sung các tiêu chí trong Luật để bảo đảm thống nhất trong áp dụng, gồm: giá trị kiến trúc, nghệ thuật; giá trị lịch sử, văn hóa; giá trị cảnh quan, không gian; tính nguyên gốc, tính đại diện, tính hiếm có và mức độ đóng góp vào bản sắc kiến trúc khu vực. Các tiêu chí định lượng, phương pháp đánh giá, phân nhóm, hồ sơ và quy trình nghiệp vụ sẽ giao Chính phủ quy định chi tiết để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn từng địa phương.

Về phân định thẩm quyền, Chính phủ tiếp thu theo hướng xác định rõ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức rà soát, đánh giá, lập, phê duyệt, công bố, quản lý, cập nhật và điều chỉnh Danh mục công trình kiến trúc có giá trị. Cơ quan chuyên môn về kiến trúc cấp tỉnh tham mưu; Hội đồng tư vấn kiến trúc, cơ quan quản lý văn hóa, chính quyền cấp xã nơi có công trình, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng dân cư tham gia ý kiến. Cách tiếp cận này bảo đảm quản lý thống nhất ở cấp tỉnh, tránh phân tán thẩm quyền và hạn chế áp dụng tùy nghi.

¹² Ý kiến của Ủy ban Văn hóa và Xã hội

Về ranh giới pháp lý, dự thảo Luật đã chỉnh lý theo hướng: công trình đã được xếp hạng di tích hoặc thuộc danh mục kiểm kê di tích thì quản lý theo pháp luật về di sản văn hóa. Luật Kiến trúc tập trung điều chỉnh các công trình có giá trị kiến trúc chưa thuộc phạm vi quản lý của pháp luật về di sản. Như vậy, hai hệ thống danh mục không chồng lấn, không tạo thêm thủ tục đối với cùng một đối tượng.

Về cơ chế tham vấn và chính sách bảo tồn: Chính phủ tiếp thu theo hướng hoàn thiện quy trình lập, điều chỉnh Danh mục, bảo đảm có ý kiến của chủ sở hữu, người sử dụng công trình, cộng đồng dân cư, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, chuyên gia và cơ quan quản lý văn hóa khi có yếu tố lịch sử, văn hóa. Hồ sơ trình phê duyệt Danh mục phải có nội dung tiếp thu, giải trình để bảo đảm khách quan, minh bạch, tránh tình trạng đưa vào hoặc loại ra khỏi Danh mục thiếu căn cứ chuyên môn.

Các chính sách bảo tồn được quy định theo hướng phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu. Dự thảo Luật tiếp tục kế thừa quy định chủ sở hữu được thụ hưởng lợi ích từ việc bảo vệ, tu bổ, khai thác công trình và được Nhà nước xem xét hỗ trợ kinh phí. Đối với các cơ chế kinh tế phức tạp như chuyển nhượng quyền phát triển không gian, ưu đãi chỉ tiêu quy hoạch, bù trừ quyền phát triển, Chính phủ sẽ tiếp tục nghiên cứu do liên quan trực tiếp đến pháp luật về đất đai, quy hoạch, tài chính, ngân sách và quyền tài sản; chưa luật hóa ngay khi chưa đánh giá đầy đủ tác động để tránh phát sinh cơ chế xin - cho hoặc lợi ích cục bộ.

Trên cơ sở đó, Chính phủ sẽ chỉnh lý Điều 13 theo hướng: luật hóa tiêu chí nền tảng; làm rõ trách nhiệm cấp tỉnh; phân định rạch ròi với pháp luật về di sản; kiểm soát không gian phụ cận di tích thông qua quy hoạch và quy chế quản lý kiến trúc; tăng công khai, tham vấn, giải trình; đồng thời hoàn thiện chính sách hỗ trợ bảo tồn phù hợp, khả thi.

4. Về Quy chế quản lý kiến trúc (Sửa đổi, bổ sung Điều 14, Điều 15)

Ủy ban KH, CN&MT cơ bản tán thành chủ trương phân cấp, phân quyền và định hình rõ thẩm quyền tổ chức lập, ban hành Quy chế quản lý kiến trúc theo mô hình chính quyền 02 cấp được thể hiện tại dự thảo Luật.

Tuy nhiên, qua công tác khảo sát thực tiễn, Ủy ban KH, CN&MT nhận thấy quy định bắt buộc phải lập Quy chế quản lý kiến trúc trên toàn bộ địa giới hành chính còn mang tính cứng nhắc, đòi hỏi nguồn lực ngân sách lớn và thời gian tổ chức lập kéo dài. Nhằm bảo đảm tính khả thi, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý khoản 4 Điều 14 theo hướng: Tăng tính linh hoạt, cho phép địa phương chủ động xác định phạm vi lập Quy chế quản lý kiến trúc. Theo đó, không bắt buộc lập trên toàn bộ ranh giới hành chính mà ưu tiên tập trung vào các khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù, khu vực trung tâm, khu vực phát triển đô thị mới, hoặc các không gian có giá trị đặc trưng về cảnh quan, văn hóa. Bên cạnh đó, đối với các đô thị loại đặc biệt, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định cho phép các đô thị này được xây dựng và ban hành quy chế quản lý kiến trúc mang tính đặc thù, linh hoạt hơn, bảo đảm phù hợp với năng lực quản lý và áp lực phát triển kinh tế - xã hội rất lớn trên địa bàn. Mặt khác, để tránh tình trạng các chủ đầu tư dự án bất động sản quy mô lớn tự ý thiết kế các khu đô thị mang phong cách kiến trúc ngoại lai (sao chép kiến trúc châu Âu), tạo ra các “ốc đảo” lạc

lông, phá vỡ bản sắc văn hóa địa phương, đền nghị nghiên cứu, xem xét quy định rõ: Mọi dự án khu đô thị, khu phức hợp do tư nhân đầu tư phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về kiến trúc của Trung ương và địa phương. Đồng thời, cần có quy định kiểm soát chặt chẽ về thiết kế đô thị đối với các điểm có giá trị cao về cảnh quan (khu vực ven hồ, ven sông, ven biển...) để tránh tình trạng các công trình cao tầng che khuất và làm ô nhiễm không gian thị giác của cộng đồng.

Về cơ chế tích hợp quy chế quản lý kiến trúc nông thôn vào quy hoạch chung xã (điểm n khoản 1 Điều 14): đây là nội dung mới, có ý kiến đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo cần làm rõ mối quan hệ về thẩm quyền, đánh giá cụ thể hơn “cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chung xã” theo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn có thể không trùng với cấp có thẩm quyền ban hành quy chế quản lý kiến trúc. Nếu không làm rõ, nội dung về bản sắc văn hóa dân tộc và các tiêu chí kiến trúc đặc thù có nguy cơ bị hòa tan vào đồ án quy hoạch chung, mất tính độc lập của công cụ quản lý kiến trúc.

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Dự thảo Luật quy định theo hướng mở rộng các đối tượng lập Quy chế quản lý kiến trúc gồm các đối tượng: thành phố, đô thị, đô thị mới và đặc khu là đô thị; các khu vực khác theo yêu cầu quản lý trong đô thị do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định; xã và đặc khu để bảo đảm tính linh hoạt, cho phép địa phương chủ động xác định phạm vi lập quy chế quản lý kiến trúc (không quá phụ thuộc vào địa giới hành chính).

Đối với việc quy định hạn chế “*tình trạng các chủ đầu tư dự án bất động sản quy mô lớn tự ý thiết kế các khu đô thị mang phong cách kiến trúc ngoại lai (sao chép kiến trúc châu Âu), tạo ra các “ốc đảo” lạc lõng, phá vỡ bản sắc văn hóa địa phương*”; “*kiểm soát chặt chẽ về thiết kế đô thị đối với các điểm có giá trị cao về cảnh quan (khu vực ven hồ, ven sông, ven biển...)*” đã được quy định ở các văn bản hướng dẫn Luật (Nghị định số 85/2020/NĐ-CP) và cụ thể hóa thành nội dung tại Mẫu Quy chế quản lý kiến trúc, Chính phủ xin tiếp thu, tiếp tục nghiên cứu trong quá trình sửa đổi các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Về cơ chế tích hợp quy chế quản lý kiến trúc nông thôn vào quy hoạch chung xã đã được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 85/2020/NĐ-CP, tổng kết đánh giá thực hiện trong giai đoạn trước không phát sinh các vấn đề vướng mắc, tại dự thảo Luật, Chính phủ đã rà soát Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn bảo đảm thống nhất về thẩm quyền phê duyệt, ban hành khi thực hiện tích hợp nội dung quy chế quản lý kiến trúc nông thôn vào quy hoạch chung xã.

5. Về thi tuyển, tuyển chọn kiến trúc (Sửa đổi, thay thế Điều 17)

Ủy ban KH, CN & MT cơ bản nhất trí với định hướng cho phép miễn thi tuyển đối với các công trình mang tính chất khẩn cấp, cấp bách nhằm kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư và các “*công trình thuộc dự án đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt*” (Khoản 3). Tuy nhiên, Ủy ban KH, CN & MT nhận thấy có sự mâu thuẫn giữa quy định mang tính “*bắt buộc*” và quy định mang tính “*tùy nghi*” ngay trong cùng một điều luật. Cụ thể, Khoản 3

quy định bắt buộc thi tuyển đối với công trình công cộng cấp đặc biệt, cấp I, công trình mang tính biểu tượng, điểm nhấn đô thị trong khi Khoản 5 lại trao quyền tùy nghi tổ chức thi tuyển đối với công trình không sử dụng vốn đầu tư công. Sự thiếu đồng bộ này có nguy cơ dẫn đến xung đột trong áp dụng pháp luật. Thực tế, nếu một chủ đầu tư tư nhân triển khai tổ hợp công trình điểm nhấn đô thị (ví dụ: tòa tháp 100 tầng tại trung tâm thành phố), họ có thể vận dụng Khoản 5 để không thực hiện nghĩa vụ thi tuyển tại Khoản 3. Điều này không chỉ tạo ra sự bất bình đẳng giữa các chủ thể đầu tư mà còn phá vỡ định hướng quy hoạch và không gian kiến trúc chung. Thêm vào đó, để hạn chế việc lách luật, né tránh thi tuyển, dự thảo Luật cần quy định cụ thể, rõ ràng hơn về các trường hợp bắt buộc phải thi tuyển. Hiện tại, một số tiêu chí tại khoản 3 Điều 17 như “công trình là biểu tượng về truyền thống, văn hóa và lịch sử”, “công trình quan trọng, điểm nhấn trong đô thị” vẫn mang tính định tính rất cao, dễ dẫn đến việc áp dụng pháp luật thiếu thống nhất trên thực tiễn¹³.

Vì vậy, cần làm rõ nguyên tắc ưu tiên áp dụng pháp luật dựa trên tính chất công trình thay vì nguồn vốn. Theo đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý để đảm bảo mọi công trình mang tính biểu tượng, điểm nhấn đô thị (đối tượng tại Khoản 3) phải phải đảm bảo chất lượng kiến trúc không phân biệt nguồn vốn. Quy định tại Khoản 5 chỉ được phép áp dụng đối với các dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách không thuộc danh mục hoặc không có tiêu chí quy định tại Khoản 3. Ngoài ra, có ý kiến đề nghị khoản 6 Điều 17 cần giới hạn phạm vi, chỉ điều chỉnh cách thức tổ chức thi tuyển, không quy định quyền quyết định có hay không tổ chức thi tuyển đối với công trình thuộc diện bắt buộc tại khoản 3; đề nghị gắn nghĩa vụ công khai tại khoản 9 Điều 17 với chế tài hành chính, hoặc coi việc công khai là điều kiện để phương án trúng tuyển được triển khai các bước tiếp theo (khoản 8 Điều 17).

Bên cạnh đó, để bảo đảm chất lượng kiến trúc của không gian đô thị, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung hoặc làm rõ yêu cầu bắt buộc thi tuyển phương án kiến trúc đối với các công trình giao thông và hạ tầng quy mô lớn, khu đô thị đại học, tri thức có tác động mạnh đến cảnh quan như: nhà ga hàng không, ga đường sắt, ga metro, cầu lớn, cảng biển. Riêng đối với công trình văn hóa cấp quốc gia (bảo tàng, nhà hát, tượng đài) hoặc công trình công cộng tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, có ý kiến đề nghị cần quy định mang tính nguyên tắc về thành phần Hội đồng thi tuyển bắt buộc phải có sự tham gia của đại diện cơ quan quản lý văn hóa và chuyên gia nghệ thuật, đồng thời ưu tiên các giải pháp phát huy tri thức bản địa¹⁴. Đồng thời, cần làm rõ cơ chế thu hút, lựa chọn tư vấn quốc tế tham gia thi tuyển để nâng cao chất lượng công trình.

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Dự thảo Luật quy định các công trình xây dựng khẩn cấp, cấp bách, công trình thuộc dự án đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt không bắt buộc phải thi tuyển kiến trúc để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ Luật Đầu tư 2025 và phù hợp với

¹³ Ý kiến của Ủy ban Pháp luật và Tư pháp

¹⁴ Ý kiến của Ủy ban Văn hóa và Xã hội và Hội đồng Dân tộc

tính chất khẩn cấp, cấp bách nhằm rút ngắn thời gian triển khai dự án. Việc triển khai các dự án nêu trên (bao gồm cả trường hợp thi tuyển và không thi tuyển) đều phải tuân thủ quy hoạch được duyệt, để bảo đảm không bị phá vỡ định hướng quy hoạch và không gian kiến trúc chung.

Dự thảo Luật đã quy định việc tổ chức thi tuyển hoặc tuyển chọn kiến trúc chỉ áp dụng với công trình không sử dụng vốn đầu tư công, hình thức tuyển chọn cũng là hình thức lựa chọn phương án kiến trúc tốt nhất trên cơ sở so sánh giữa các phương án kiến trúc được đề xuất. Đối với các công trình không sử dụng vốn đầu tư công, việc quy định người quyết định đầu tư có thể quyết định tổ chức thi tuyển hoặc tuyển chọn kiến trúc nhằm rút ngắn thời gian, đồng thời để thu hút, lựa chọn tư vấn quốc tế tham gia thi tuyển để nâng cao chất lượng công trình. Các công trình phải thi tuyển tại khoản 3 Điều 17 là các “công trình là biểu tượng về truyền thống, văn hóa và lịch sử”, “công trình quan trọng, điểm nhấn trong đô thị” phải “*được xác định trong quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn hoặc quy chế quản lý kiến trúc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt*”. Phương án tuyển chọn vẫn có sự tham gia ý kiến của Hội đồng tuyển chọn (gồm các chuyên gia về quy hoạch, kiến trúc, văn hóa, đại diện cơ quan quản lý nhà nước, đại diện Hội đồng Quy hoạch - Kiến trúc quốc gia hoặc cấp tỉnh...), đồng thời vẫn phải tuân thủ các yêu cầu quản lý không gian kiến trúc chung (quy hoạch đô thị và nông thôn, thiết kế đô thị, quy chế quản lý kiến trúc, các yêu cầu về bản sắc văn hóa của các địa phương).

Thành phần Hội đồng thi tuyển đã được quy định tại Nghị định số 85/2020/NĐ-CP (Điều 19): *Chủ tịch Hội đồng phải là chuyên gia có kinh nghiệm đã thiết kế kiến trúc nhiều công trình đã xây dựng, có uy tín nghề nghiệp trong lĩnh vực kiến trúc. Chủ tịch Hội đồng do Hội đồng bầu ra hoặc chủ đầu tư mời; Các thành viên Hội đồng là những người có chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc, xây dựng và các lĩnh vực liên quan; khách quan, công tâm. Đơn vị tổ chức cuộc thi có thể mời chuyên gia nước ngoài tham gia (nếu cần thiết).* Chính phủ xin tiếp thu và nghiên cứu quy định đối với công trình văn hóa cấp quốc gia (bảo tàng, nhà hát, tượng đài) hoặc công trình công cộng tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thành phần Hội đồng thi tuyển bắt buộc phải có sự tham gia của đại diện cơ quan quản lý văn hóa và chuyên gia nghệ thuật tại các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

6. Về hành nghề kiến trúc, năng lực hành nghề kiến trúc và kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân (Sửa đổi, thay thế Điều 19, Điều 21 và Điều 25)

Ủy ban KH, CN & MT **cơ bản nhất trí** với định hướng thu hẹp phạm vi các chức danh bắt buộc phải có CCHN (chỉ tập trung yêu cầu đối với thiết kế kiến trúc công trình và quy hoạch) tại nội dung sửa đổi Khoản 3 Điều 21 dự thảo Luật, nhằm cụ thể hóa chủ trương cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, thủ tục hành chính. Tuy nhiên, đề nghị bổ sung, giải trình việc tiếp tục duy trì quy định bắt buộc về CCHN kiến trúc đối với một số chức danh. Đồng thời, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định hoặc lộ trình phân hạng kiến trúc sư dựa trên năng lực và kinh nghiệm thực tiễn nhằm phù hợp với thông lệ quốc tế.

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Dự thảo Luật đã chỉnh lý theo hướng thu hẹp phạm vi chức danh bắt buộc phải có chứng chỉ hành nghề kiến trúc, chỉ tập trung vào các chức danh trực tiếp chịu trách nhiệm chuyên môn quan trọng trong thiết kế công trình và quy hoạch. Quy định này nhằm cụ thể hóa chủ trương cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nhưng vẫn bảo đảm yêu cầu quản lý chất lượng đối với các hoạt động có tác động trực tiếp đến an toàn công trình, cảnh quan, không gian kiến trúc, bản sắc văn hóa và lợi ích công cộng.

Việc tiếp tục duy trì chứng chỉ hành nghề đối với một số chức danh chủ trì, chủ nhiệm thiết kế là cần thiết, vì đây là các chức danh có vai trò quyết định trong việc đề xuất giải pháp kiến trúc, tổ chức không gian, kiểm soát chất lượng hồ sơ thiết kế và chịu trách nhiệm nghề nghiệp trước chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội. Chứng chỉ hành nghề không nhằm tạo rào cản gia nhập thị trường, mà là công cụ xác nhận năng lực tối thiểu, kinh nghiệm thực tiễn và trách nhiệm nghề nghiệp đối với cá nhân hành nghề trong các hoạt động có yêu cầu chuyên môn cao, tác động lớn.

Đối với đề nghị phân hạng kiến trúc sư, cơ quan chủ trì soạn thảo xin ghi nhận và sẽ tiếp tục nghiên cứu trong quá trình hoàn thiện văn bản hướng dẫn thi hành. Dự thảo Luật đang đề xuất nghiên cứu quy định về nguyên tắc, điều kiện chung trong việc quản lý, cấp chứng chỉ hành nghề; các tiêu chí cụ thể về phạm vi hành nghề, kinh nghiệm, năng lực chuyên môn, phát triển nghề nghiệp liên tục và khả năng phân nhóm, phân hạng theo tính chất công việc sẽ được nghiên cứu quy định tại Nghị định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp thực tiễn quản lý hiện nay. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, thay thế cụm từ “Kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân” tại Điều 25 thành “Kiến trúc sư hành nghề độc lập” để tương đồng với cách diễn đạt “Cá nhân hành nghề độc lập” tại pháp luật về xây dựng. Đồng thời, rà soát chỉnh sửa nội dung quy định tại Điều 25 bảo đảm ngắn gọn, dễ hiểu trong áp dụng.

Bên cạnh đó, đối với quy định tại khoản 5 Điều 21 về việc cá nhân đảm nhận chủ trì thiết kế nội thất không yêu cầu phải có CCHN, Ủy ban KH, CN & MT nhận thấy cần có cơ chế quản lý rủi ro phù hợp. Thực tiễn cho thấy thiết kế nội thất tại các công trình công cộng tập trung đông người, công trình phức tạp có tác động trực tiếp đến kết cấu chịu tải, giải pháp thoát nạn và an toàn phòng cháy, chữa cháy (PCCC). Do đó, để bảo đảm an toàn công trình nhưng không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính đối với người hành nghề, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung nguyên tắc quản lý theo hướng kiểm soát chất lượng sản phẩm đầu ra: Yêu cầu hồ sơ thiết kế nội thất đối với các công trình có yêu cầu nghiêm ngặt về PCCC hoặc công trình công cộng quy mô lớn phải được tổ chức, cá nhân có CCHN kiến trúc công trình (hoặc chuyên môn phù hợp) thực hiện thẩm tra, chịu trách nhiệm liên đới về tính tuân thủ quy chuẩn an toàn trước khi phê duyệt thi công.

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Dự thảo Luật hiện nay đang đề xuất không yêu cầu cá nhân đảm nhận chủ trì thiết kế nội thất phải có chứng chỉ hành nghề kiến trúc, trên cơ sở phân định rõ

giữa điều kiện hành nghề kiến trúc và mức độ kiểm soát chất lượng, an toàn của công trình khi triển khai thực hiện thiết kế xây dựng. Đồng thời, quy định này nhằm thực hiện chủ trương cắt giảm điều kiện hành nghề, không mở rộng đối tượng phải cấp chứng chỉ, mà vẫn bảo đảm yêu cầu quản lý an toàn công trình.

Hồ sơ thiết kế nội thất là một thành phần của hồ sơ thiết kế xây dựng khi có liên quan đến việc đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc hoàn thiện công trình. Do đó, các nội dung của thiết kế nội thất có tác động đến kết cấu chịu lực, công năng sử dụng, lối thoát nạn, an toàn PCCC, an toàn sử dụng công trình, vật liệu, thiết bị kỹ thuật và việc tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật không được xem xét độc lập, mà phải được kiểm soát trong tổng thể hồ sơ thiết kế xây dựng theo pháp luật về xây dựng, pháp luật về PCCC và pháp luật chuyên ngành có liên quan. Trường hợp thiết kế nội thất làm phát sinh hoặc ảnh hưởng đến yêu cầu về kết cấu, thoát nạn, PCCC, an toàn sử dụng, cải tạo công năng hoặc giải pháp kỹ thuật của công trình thì hồ sơ phải được tổ chức lập, thẩm định, thẩm tra, kiểm tra theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng và PCCC;

Theo đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất không bổ sung yêu cầu chứng chỉ hành nghề kiến trúc hoặc cơ chế thẩm tra riêng đối với chủ trì thiết kế nội thất trong dự thảo Luật. Việc bổ sung quy định riêng có thể dẫn đến trùng lặp với pháp luật về xây dựng, PCCC, làm phát sinh thêm thủ tục hành chính.

Ý kiến khác đề nghị xem xét cân nhắc mở rộng phạm vi cấp CCHN với hai dịch vụ “đánh giá kiến trúc công trình” và “thẩm tra thiết kế kiến trúc”, vì đây là hai chức năng giữ vai trò kiểm soát chất lượng đối với sản phẩm của kiến trúc sư. Nếu người thẩm tra thiết kế không phải đạt chuẩn chứng chỉ hành nghề như người có thiết kế bị thẩm tra, cơ chế kiểm soát chất lượng kiến trúc sẽ bị vô hiệu hóa ngay từ gốc. Đây cũng là vướng mắc mà UBND thành phố Hà Nội đã phản ánh cụ thể trong quá trình khảo sát thực tế.

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Dự thảo Luật đã tiếp cận theo hướng thu hẹp phạm vi chức danh bắt buộc phải có chứng chỉ hành nghề kiến trúc, tập trung vào các cá nhân trực tiếp chủ trì, chủ nhiệm thiết kế kiến trúc công trình, nhằm thực hiện chủ trương cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, điều kiện hành nghề và thủ tục hành chính.

Đối với hoạt động “đánh giá kiến trúc công trình” và “thẩm tra thiết kế kiến trúc”, đây là các hoạt động chuyên môn có liên quan đến kiểm soát chất lượng sản phẩm thiết kế. Tuy nhiên, khi các nội dung này thuộc hồ sơ thiết kế xây dựng, việc thẩm tra, thẩm định, kiểm soát chất lượng đã được thực hiện theo pháp luật về xây dựng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực tham gia hoạt động xây dựng.

Vì vậy, dự thảo Luật không mở rộng thêm diện cá nhân bắt buộc phải có chứng chỉ hành nghề kiến trúc đối với các dịch vụ nêu trên, nhằm tránh trùng lặp với cơ chế quản lý năng lực theo pháp luật về xây dựng và không làm phát sinh thêm điều kiện hành nghề. Trường hợp cá nhân thực hiện thẩm tra, đánh giá đồng thời đảm nhận nội dung thuộc phạm vi hành nghề kiến trúc bắt buộc có chứng chỉ thì vẫn phải đáp ứng điều kiện về chứng chỉ hành nghề theo quy định của Luật Kiến trúc và pháp luật có liên quan.

Cơ quan chủ trì soạn thảo sẽ tiếp tục rà soát quy định tại Điều 19, Điều 21 và văn bản hướng dẫn thi hành để bảo đảm phân định rõ trách nhiệm của người thiết kế, người thẩm tra, tổ chức thẩm tra và cơ quan có thẩm quyền; qua đó kiểm soát chất lượng kiến trúc bằng cơ chế trách nhiệm nghề nghiệp, điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình thẩm định, thẩm tra theo pháp luật chuyên ngành, không đặt thêm điều kiện chứng chỉ hành nghề không cần thiết.

*Có ý kiến nhận thấy nội dung sửa đổi tại khoản 1 Điều 25 quy định **kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân** chỉ gồm kiến trúc sư có CCHN hoặc theo thỏa thuận quốc tế thừa nhận lẫn nhau (đáp ứng tiêu chuẩn tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều 21). Trong khi đó, việc miễn CCHN quy định tại khoản 5 Điều 21 chỉ áp dụng cho cá nhân hành nghề “trong tổ chức hành nghề kiến trúc”. Đây là một hạn chế mới, có thể đi ngược tinh thần cắt giảm điều kiện hành nghề mà dự thảo Luật đang theo đuổi, gây bất lợi cho kiến trúc sư hành nghề tự do. Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ cơ sở khi xây dựng chính sách của quy định này.*

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Dự thảo Luật đề xuất quy định tại khoản 1 Điều 25 trên cơ sở phân định giữa cá nhân hành nghề trong tổ chức hành nghề kiến trúc và kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân. Trong đó, đối với cá nhân hành nghề trong tổ chức hành nghề kiến trúc, thì trách nhiệm chuyên môn, kiểm soát chất lượng sản phẩm và trách nhiệm pháp lý được bảo đảm thông qua tổ chức hành nghề và các cá nhân đảm nhận chủ trì, chủ nhiệm thiết kế.

Tuy nhiên, đối với kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân là thì kiến trúc sư đó là chủ thể độc lập trực tiếp cung cấp dịch vụ, ký kết, thực hiện công việc và chịu trách nhiệm nghề nghiệp trước khách hàng, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội. Do đó, Dự thảo Luật đề xuất việc yêu cầu kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân phải có chứng chỉ hành nghề hoặc thuộc trường hợp được thừa nhận theo thỏa thuận quốc tế là cần thiết để bảo đảm năng lực chuyên môn tối thiểu, trách nhiệm nghề nghiệp và chất lượng sản phẩm kiến trúc.

Quy định này không nhằm hạn chế kiến trúc sư hành nghề tự do, mà nhằm phân định hợp lý mức độ quản lý theo rủi ro: cá nhân làm việc trong tổ chức được kiểm soát thông qua tổ chức và người chịu trách nhiệm chính; cá nhân hành nghề độc lập phải tự đáp ứng điều kiện về năng lực hành nghề. Cách tiếp cận này vừa phù hợp mục tiêu cắt giảm điều kiện hành nghề không cần thiết, vừa bảo đảm quản lý chất lượng đối với hoạt động hành nghề độc lập có tác động trực tiếp đến quyền lợi của khách hàng, an toàn công trình, cảnh quan và lợi ích công cộng.

7. Về quản lý hành nghề và Chứng chỉ hành nghề kiến trúc (Sửa đổi, thay thế Điều 24, Điều 27)

Ủy ban KH, CN & MT đánh giá cao định hướng bãi bỏ yêu cầu thi sát hạch, chuyển trọng tâm sang hình thức quản lý tự động thông qua Cơ sở dữ liệu hành nghề kiến trúc quy định tại nội dung sửa đổi Điều 24 dự thảo Luật. Đây là bước đột phá phù hợp với chủ trương đổi mới, đẩy mạnh chuyển đổi số và cải cách thủ tục hành chính.

Để đảm bảo Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia thực sự phát huy hiệu lực trong thực tiễn, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ quy định về nguồn lực đầu tư, lộ trình vận hành, phân định trách nhiệm cập nhật thông tin, cũng như cơ chế kết nối, liên thông dữ liệu thông suốt giữa trung ương và địa phương. Đồng thời, nội dung sửa đổi khoản 2 Điều 24 quy định cá nhân hành nghề kiến trúc (bao gồm cả các chức danh đã được miễn CCHN) phải được “đăng tải thông tin trên Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia” và do cơ quan nhà nước xác thực thì mới được hành nghề. Quy định này có thể tạo ra một rào cản mới, đi ngược lại nỗ lực cải cách, bởi người hành nghề vẫn phải nộp hồ sơ và chờ cơ quan nhà nước phê duyệt.

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Việc bãi bỏ yêu cầu thi sát hạch và chuyển sang quản lý thông tin hành nghề thông qua Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động kiến trúc là giải pháp nhằm đơn giản hóa thủ tục, giảm chi phí tuân thủ, đồng thời tăng cường công khai, minh bạch và khả năng kiểm tra, giám sát “hậu kiểm”.

Về nguồn lực đầu tư, lộ trình vận hành, trách nhiệm cập nhật, xác thực và liên thông dữ liệu giữa trung ương và địa phương, dự thảo Luật chỉ quy định nguyên tắc, giao Chính phủ quy định chi tiết để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với điều kiện hạ tầng số, mô hình tổ chức quản lý và khả năng kết nối với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan.

Đối với quy định đăng tải, xác thực thông tin cá nhân hành nghề kiến trúc, đây không phải là thủ tục cấp phép mới và không nhằm đặt thêm điều kiện hành nghề. Cơ chế này chỉ nhằm ghi nhận, thu thập, công khai và xác thực thông tin hành nghề kiến trúc để phục vụ quản lý nhà nước, tra cứu và kiểm soát trách nhiệm nghề nghiệp. Cơ quan chủ trì soạn thảo sẽ tiếp tục rà soát kỹ thuật theo hướng làm rõ nguyên tắc: việc cập nhật, đăng tải, xác thực thông tin được thực hiện chủ yếu trên môi trường điện tử, kế thừa dữ liệu đã có, không yêu cầu nộp lại hồ sơ đã được cơ quan nhà nước hoặc tổ chức có thẩm quyền xác nhận, không làm phát sinh thủ tục phê duyệt trước khi hành nghề đối với các trường hợp không thuộc diện phải có chứng chỉ. Nội dung cụ thể về trình tự, trách nhiệm cập nhật, khai thác, chia sẻ và liên thông dữ liệu sẽ được quy định tại các văn bản hướng dẫn dưới luật.

Bên cạnh đó, có ý kiến cho rằng quy định thời hạn 10 năm đối với CCHN kiến trúc tại nội dung sửa đổi khoản 2 Điều 27 có thể không còn phù hợp, làm phát sinh thủ tục hành chính (xin cấp lại) và mâu thuẫn trực tiếp với tư duy quản lý tự động, liên tục bằng cơ sở dữ liệu. Mặt khác, cơ chế “hậu kiểm” thông qua Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia tại khoản 2 Điều 24 hiện đang thiếu quy định về xác thực chéo đối với các thông tin do cá nhân tự kê khai. Trong trường hợp người hành nghề kê khai thiếu trung thực về yêu cầu “03 năm kinh nghiệm tham gia hành nghề” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 21 mà hệ thống thiếu công cụ đối soát tự động, hiệu lực của cơ chế quản lý “hậu kiểm” sẽ khó thực hiện.

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Sau khi nghiên cứu và tổng hợp kinh nghiệm quốc tế trong việc quản lý và phát triển nghề nghiệp liên tục (CPD), Dự thảo Luật đề xuất tiếp tục quy định thời hạn 10 năm đối với chứng chỉ hành nghề kiến trúc để bảo đảm cá nhân hành nghề

phải phát triển nghề nghiệp liên tục và cập nhật định kỳ về quy định pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, công nghệ, yêu cầu phát triển nghề nghiệp liên tục và quy tắc ứng xử nghề nghiệp. Đây không chỉ là thủ tục hành chính về hình thức, mà là cơ chế kiểm soát năng lực hành nghề theo chu kỳ đối với hoạt động có tác động đến chất lượng công trình, cảnh quan, an toàn cộng đồng và lợi ích cộng đồng.

Tuy nhiên, để phù hợp với định hướng chuyển đổi số và quản lý bằng cơ sở dữ liệu, dự thảo Luật đã chuyển trọng tâm từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” thông qua việc quản lý thông tin hành nghề, công khai, cập nhật trên Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng. Việc cấp lại, gia hạn chứng chỉ sẽ được nghiên cứu theo hướng đơn giản hóa tối đa, thực hiện trên môi trường điện tử, kế thừa dữ liệu đã có, không yêu cầu người hành nghề nộp lại các thông tin cơ quan quản lý đã quản lý hoặc có thể khai thác từ cơ sở dữ liệu.

Đối với yêu cầu xác thực thông tin do cá nhân kê khai, cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu và sẽ tiếp tục rà soát quy định tại Điều 24 và văn bản hướng dẫn thi hành theo hướng làm rõ trách nhiệm của cá nhân kê khai, tổ chức hành nghề, cơ quan cấp chứng chỉ và cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu. Thông tin về kinh nghiệm hành nghề, quá trình tham gia dự án, phát triển nghề nghiệp liên tục, chứng chỉ, văn bằng và phạm vi hành nghề sẽ được xác thực, đối chiếu thông qua dữ liệu của tổ chức hành nghề, hồ sơ cấp chứng chỉ, dữ liệu quản lý xây dựng, dữ liệu chuyên ngành có liên quan và cơ chế hậu kiểm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trường hợp người hành nghề kê khai thiếu trung thực sẽ có cơ chế xử phạt đồng thời thu hồi chứng chỉ và xóa hoặc điều chỉnh thông tin hành nghề trên cơ sở dữ liệu, bảo đảm ngăn ngừa để đảm bảo xử lý nghiêm các trường hợp kê khai thiếu trung thực.

Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, rà soát các quy định trên theo hướng: (i) Đối với các chức danh không yêu cầu CCHN, cần nhắc bãi bỏ quy định bắt buộc phải chờ cơ quan quản lý nhà nước xác thực thông tin làm điều kiện hành nghề. Thay vào đó, áp dụng cơ chế “tự công bố - tự chịu trách nhiệm”. Cá nhân hành nghề chỉ cần tạo tài khoản, đăng tải văn bằng chuyên môn và các giấy tờ liên quan lên Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp lệ của hồ sơ. Hệ thống sẽ tự động ghi nhận để cá nhân đủ điều kiện hành nghề ngay lập tức. Cơ quan quản lý nhà nước chuyển sang cơ chế “Hậu kiểm” (thanh tra xác suất); trường hợp phát hiện văn bằng giả hoặc khai báo gian dối sẽ áp dụng chế tài xử phạt hành chính và đưa vào danh sách đen (cấm hành nghề) công khai trên Hệ thống. (ii) Bổ sung cơ chế xác thực chéo thông tin kinh nghiệm hành nghề thông qua nền tảng dữ liệu quốc gia (như hệ thống cơ sở dữ liệu về thuế, bảo hiểm xã hội, hợp đồng lao động, ...) trực tiếp tại Điều 24. (iii) Bãi bỏ quy định về thời hạn 10 năm của CCHN tại khoản 2 Điều 27. CCHN có thể nên được cấp một lần (không xác định thời hạn) và được quản lý trạng thái tự động. Hệ thống sẽ tự động đình chỉ hoặc thu hồi hiệu lực hành nghề nếu cá nhân không đáp ứng yêu cầu về điểm phát triển nghề nghiệp liên tục (CPD) hoặc có hành vi vi phạm Quy tắc ứng xử nghề nghiệp. (iv) Đối với yêu cầu đáp ứng điểm phát triển nghề nghiệp liên tục (CPD) quy định tại điểm c khoản 3 Điều 21, cần bổ sung quy

phạm làm rõ cơ chế ghi nhận, theo dõi, đánh giá kết quả; đồng thời, quy định rõ trách nhiệm pháp lý của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong việc xác nhận và cập nhật thông tin CPD của cá nhân trên hệ thống cơ sở dữ liệu.

Có ý kiến cho rằng, khi chuyển đổi mạnh mẽ từ cơ chế “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về địa vị pháp lý, phạm vi áp dụng của “Chỉ dẫn đặc điểm kỹ thuật kiến trúc công trình” ngay trong Luật để làm căn cứ chuyên môn vững chắc phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước¹⁵.

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Đối với nội dung đề nghị áp dụng cơ chế “tự công bố - tự chịu trách nhiệm” đối với các chức danh không yêu cầu chứng chỉ hành nghề kiến trúc, cơ quan chủ trì soạn thảo cơ bản thống nhất về nguyên tắc cải cách thủ tục, không tạo thêm điều kiện hành nghề đối với các cá nhân không thuộc nhóm chức danh bắt buộc phải có chứng chỉ hành nghề. Dự thảo Luật hiện nay đã tiếp cận theo hướng chỉ yêu cầu chứng chỉ hành nghề đối với cá nhân đảm nhận chức danh chủ trì thiết kế kiến trúc, chủ nhiệm thiết kế xây dựng hoặc kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân; các cá nhân hành nghề khác chỉ phải đáp ứng yêu cầu về đào tạo phù hợp với công việc đảm nhận. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo sẽ rà soát khoản 2 Điều 24 và quy định cụ thể tại các văn bản hướng dẫn dưới luật theo hướng thể hiện rõ việc đăng tải, cập nhật thông tin của các cá nhân chưa có chứng chỉ hành nghề.

Đối với đề xuất bãi bỏ yêu cầu phải chờ cơ quan nhà nước xác thực thông tin trước khi hành nghề: Cá nhân hành nghề có trách nhiệm kê khai, cập nhật thông tin về văn bằng, kinh nghiệm, phạm vi công việc và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của thông tin đã kê khai; cơ quan quản lý nhà nước thực hiện kiểm tra, xác thực theo nguyên tắc quản lý rủi ro, kiểm tra xác suất hoặc theo yêu cầu quản lý, thay vì biến hoạt động xác thực thành thủ tục tiền kiểm bắt buộc đối với mọi trường hợp.

Đối với đề nghị bổ sung cơ chế xác thực chéo thông tin kinh nghiệm hành nghề thông qua nền tảng dữ liệu quốc gia: Cơ quan chủ trì soạn thảo xin ghi nhận và sẽ nghiên cứu quy định theo hướng giao Chính phủ quy định chi tiết về phương thức kết nối, chia sẻ, đối soát dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu hành nghề kiến trúc với các cơ sở dữ liệu có liên quan, phù hợp với pháp luật và đảm bảo đồng bộ với dữ liệu về dân cư quốc gia Vneid, qua đó đảm bảo việc tích hợp với các dữ liệu, giao dịch điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo hiểm xã hội, thuế, lao động và xây dựng.

Đối với đề nghị bãi bỏ thời hạn 10 năm của chứng chỉ hành nghề kiến trúc: Dự thảo hiện đang kế thừa quy định chứng chỉ hành nghề kiến trúc có thời hạn 10 năm và có giá trị sử dụng trong phạm vi cả nước, đồng thời để đảm bảo đồng bộ với quy định quản lý hành nghề xây dựng theo pháp luật về xây dựng. Quy định thời hạn chứng chỉ nhằm bảo đảm việc cập nhật năng lực chuyên môn, kinh nghiệm hành nghề, yêu cầu phát triển nghề nghiệp liên tục và việc tuân thủ Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư hành nghề. Tuy nhiên, để phù hợp hơn với yêu cầu chuyển đổi số và giảm chi phí tuân thủ, Dự thảo Luật đã nghiên cứu

¹⁵ Ý kiến của Ủy ban Công tác đại biểu

phương án quản lý, cấp chứng chỉ trên môi trường điện tử để đơn giản hóa tối đa thủ tục cấp, cấp lại, đồng thời tăng cường cơ chế thu hồi thông qua việc cập nhật trạng thái chứng chỉ trên Hệ thống thông tin khi cá nhân không còn đáp ứng điều kiện hành nghề hoặc có vi phạm.

Đối với kiến nghị về cơ chế ghi nhận, theo dõi, đánh giá điểm phát triển nghề nghiệp liên tục (CPD) và trách nhiệm của tổ chức xã hội - nghề nghiệp: Dự thảo Luật đã xác định yêu cầu đáp ứng phát triển nghề nghiệp liên tục là một trong các tiêu chuẩn đối với cá nhân thuộc diện phải có chứng chỉ hành nghề kiến trúc; đồng thời tại Dự thảo Nghị định kèm theo đã quy định về hồ sơ xin cấp, cấp lại chứng chỉ cũng đã xác định yêu cầu cung cấp thông tin CPD và có cơ chế giám sát thực hiện quy tắc ứng xử nghề nghiệp, xử lý vi phạm. Cơ quan chủ trì soạn thảo sẽ tiếp tục rà soát để bổ sung nguyên tắc về ghi nhận, cập nhật, theo dõi CPD trên hệ thống dữ liệu; trách nhiệm của cá nhân, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu và cơ quan quản lý nhà nước trong việc xác nhận, cập nhật thông tin; đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết về tiêu chí, phương thức ghi nhận, quy đổi điểm CPD, kiểm tra, xử lý vi phạm để bảo đảm linh hoạt và phù hợp thực tiễn.

8. Về quyền và nghĩa vụ của kiến trúc sư hành nghề (Sửa đổi, thay thế Điều 32)

Ủy ban KH, CN & MT nhận thấy, nội dung sửa đổi Điều 32 dự thảo Luật liệt kê các quyền và nghĩa vụ của cá nhân kiến trúc sư hành nghề, như quyền “yêu cầu chủ đầu tư... thực hiện đúng thiết kế” hay nghĩa vụ “giám sát tác giả”. Tuy nhiên, dự thảo Luật không quy định về trách nhiệm pháp lý và trách nhiệm liên đới. Khi một công trình xảy ra sự cố do lỗi thiết kế kiến trúc, trách nhiệm pháp lý sẽ thuộc về cá nhân kiến trúc sư chủ trì thiết kế hay thuộc về pháp nhân (Tổ chức tư vấn hành nghề kiến trúc). Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung nguyên tắc để làm rõ nội dung này. Ngoài ra, đề nghị rà soát để bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả của kiến trúc sư và quyền yêu cầu các chủ thể tham gia dự án thực hiện đúng thiết kế kiến trúc đã được phê duyệt.

Có ý kiến cho rằng, dự thảo Luật chưa có quy định (cả trong điều khoản chuyển tiếp tại Điều 3) để xử lý xung đột quyền tác giả khi công trình kiến trúc bị thay đổi công năng. Thực tiễn cho thấy, khi một công trình kiến trúc cũ (nằm hoặc không nằm trong Danh mục công trình có giá trị) được chủ đầu tư mới mua lại và cải tạo, thay đổi công năng, quyền “yêu cầu chủ đầu tư thực hiện đúng thiết kế” của kiến trúc sư tác giả cũ theo quy định tại Điều 32 sẽ dễ dẫn đến xung đột trực tiếp với quyền tài sản của chủ sở hữu mới. Việc thiếu giải pháp phân định rạch ròi ranh giới pháp lý này có nguy cơ dẫn đến các tranh chấp dân sự kéo dài, làm ách tắc dòng vốn đầu tư của xã hội. Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định cụ thể để xử lý hài hòa vấn đề này.

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Về nguyên tắc, đối với sản phẩm thiết kế kiến trúc được thực hiện thông qua tổ chức hành nghề kiến trúc, tổ chức hành nghề kiến trúc là chủ thể chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và trước pháp luật về chất lượng dịch vụ, chất lượng hồ

sơ thiết kế theo hợp đồng đã giao kết. Dự thảo Luật đang đề xuất giữ nguyên quy định về nghĩa vụ của tổ chức hành nghề kiến trúc, trong đó có nghĩa vụ mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, chịu trách nhiệm về chất lượng công việc theo hợp đồng và bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng hoặc sử dụng thông tin, tài liệu, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, giải pháp kỹ thuật, tổ chức quản lý không phù hợp gây thiệt hại.

Bên cạnh đó, cá nhân kiến trúc sư hành nghề, kiến trúc sư chủ trì thiết kế hoặc chủ nhiệm thiết kế xây dựng phải chịu trách nhiệm đối với phần việc chuyên môn trong hồ sơ thiết kế. Trường hợp có sai sót chuyên môn kỹ thuật trong hành nghề kiến trúc gây hậu quả nghiêm trọng theo kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì chứng chỉ hành nghề kiến trúc có thể bị thu hồi theo quy định. Việc xác định trách nhiệm liên đới được thực hiện căn cứ vào mức độ lỗi, phạm vi công việc, vai trò tham gia của từng chủ thể, hợp đồng đã ký kết và kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả: Quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc là quyền đã được pháp luật chuyên ngành về sở hữu trí tuệ điều chỉnh. Theo đó, tác phẩm kiến trúc, bản vẽ thiết kế kiến trúc, mô hình, hồ sơ thiết kế kiến trúc và các hình thức thể hiện sáng tạo khác của kiến trúc sư được bảo hộ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ khi đáp ứng điều kiện bảo hộ. Theo đó, dự thảo Luật Kiến trúc không quy định lại toàn bộ nội dung về căn cứ phát sinh, phạm vi bảo hộ, chủ thể quyền, thời hạn bảo hộ, chuyển giao quyền, xử lý xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan, nhằm tránh trùng lặp, chồng chéo với pháp luật về sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, với tính chất là luật chuyên ngành điều chỉnh hoạt động kiến trúc, dự thảo Luật cần ghi nhận đầy đủ nguyên tắc tôn trọng, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả của kiến trúc sư trong quá trình hành nghề, khai thác, sử dụng, điều chỉnh và thi công theo thiết kế kiến trúc.

Đối với quyền yêu cầu các chủ thể tham gia dự án thực hiện đúng thiết kế kiến trúc đã được phê duyệt: Theo Dự thảo Luật đề xuất tiếp tục thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành, kiến trúc sư có quyền yêu cầu chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng thực hiện đúng thiết kế kiến trúc được duyệt, từ chối nghiệm thu công trình, hạng mục công trình không đúng thiết kế kiến trúc được duyệt, không đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; đồng thời quy định chủ thể thực hiện giám sát tác giả có quyền yêu cầu chủ đầu tư, nhà thầu thi công thực hiện đúng thiết kế kiến trúc được duyệt và từ chối ký biên bản nghiệm thu khi thi công không đúng thiết kế.

Pháp luật về kiến trúc quy định Kiến trúc sư được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ (điểm b khoản 1 Điều 34 Luật Kiến trúc năm 2019). Do vậy, quyền tác giả được thực hiện theo pháp luật về sở hữu trí tuệ.

9. Về Điều khoản chuyển tiếp (Sửa đổi, bổ sung Điều 3)

Ủy ban KH, CN & MT cơ bản nhất trí với việc thiết kế Điều 3 dự thảo Luật nhằm bảo đảm tính liên tục pháp lý cho các Quy chế quản lý kiến trúc, Danh mục công trình kiến trúc có giá trị và CCHN kiến trúc đã được ban hành hoặc cấp

trước ngày Luật có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, đề nghị Cơ quan chủ trì nghiên cứu, rà soát kỹ các nội dung quy định tại Điều 3 để đảm bảo không gây ách tắc trong tổ chức thực hiện, với 04 nhóm chế định cụ thể như sau:

9.1. Về lộ trình áp dụng Mô hình thông tin công trình (BIM)

Dự thảo Luật (bổ sung Khoản 4a Điều 12) quy định bắt buộc áp dụng BIM trong hồ sơ thiết kế kiến trúc. Đây là thay đổi lớn về quy định áp dụng công nghệ. Tuy nhiên, hiện Điều 3 chưa có quy định chuyển tiếp, dẫn đến tình huống nếu Luật có hiệu lực từ ngày 01/3/2027 thì toàn bộ các dự án đang triển khai thiết kế theo phương pháp truyền thống sẽ có khả năng bị ách tắc, không đủ điều kiện thẩm định và nghiệm thu. Do đó, đề nghị nghiên cứu bổ sung vào Điều 3 quy định về lộ trình chuyển tiếp đối với việc bắt buộc áp dụng BIM trong hồ sơ thiết kế, bảo đảm tính khả thi.

9.2. Về xử lý các Quy chế, Danh mục “đang tổ chức lập”

Nội dung quy định tại Điều 3 hiện chỉ cho phép chuyển tiếp đối với hồ sơ “đang trình phê duyệt”. Thực tế, nhiều địa phương đã bố trí ngân sách, ký hợp đồng tư vấn, lấy ý kiến cộng đồng và “đang tổ chức lập” (chưa đến bước trình duyệt). Nếu bãi bỏ để làm lại từ đầu theo thẩm quyền phân cấp mới (từ cấp huyện xuống cấp xã theo Điều 14), sẽ có thể gây lãng phí ngân sách và thời gian. Do đó, đề nghị nghiên cứu, bổ sung cơ chế xử lý chuyển tiếp đối với các hồ sơ Quy chế quản lý kiến trúc, Danh mục công trình kiến trúc có giá trị “đang tổ chức lập” nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các chủ thể tham gia.

9.3. Về tính đồng bộ trong quản lý Chứng chỉ hành nghề

Dự thảo Luật đã thu hẹp diện bắt buộc có CCHN từ 07 chức danh xuống còn 02 chức danh. Đề nghị rà soát kỹ quy định xử lý hệ quả pháp lý đối với các chứng chỉ đã được cấp cho 05 nhóm công việc còn lại (thiết kế nội thất, thiết kế cảnh quan...) để không làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của những cá nhân đã đạt kết quả thi sát hạch trước đây. Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung nguyên tắc chuyển tiếp theo hướng: Tự động cập nhật, tích hợp thông tin CCHN đã cấp theo Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 (kể cả các lĩnh vực được miễn trừ theo quy định mới) vào Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu về hoạt động xây dựng để ghi nhận năng lực chuyên môn hợp pháp, không yêu cầu cá nhân phải sử dụng chứng chỉ bản cứng.

Có ý kiến cho rằng Điều 3 dự thảo Luật hiện chỉ có 03 khoản quy định chuyển tiếp về: (1) quy chế/danh mục đã ban hành; (2) đang trình phê duyệt; (3) chứng chỉ đã cấp. Không có quy định về hồ sơ đã nộp xin cấp chứng chỉ hành nghề theo quy trình cũ (Điều 26, 28, 29) nhưng chưa được cấp tại thời điểm Luật mới có hiệu lực trong khi các Điều 26, 28, 29 (sát hạch, điều kiện, quy trình cấp) bị bãi bỏ hoàn toàn. Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, xem xét thiết kế quy phạm chuyển tiếp cho nhóm hồ sơ này.

9.4. Về tính liên kết với các Nghị quyết của Chính phủ

Theo Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP và 66.18/2026/NQ-CP, điều kiện hành nghề kiến trúc được cắt giảm, có hiệu lực từ 01/7/2026 đến 28/02/2027. Tuy

nhiên, dự thảo Luật (dự kiến hiệu lực 01/3/2027) lại quy định “phục hồi” yêu cầu bắt buộc có CCHN đối với chủ trì, chủ nhiệm thiết kế (Khoản 3 Điều 21). Nếu không có quy định chuyển tiếp tại Điều 3 sẽ dẫn đến khả năng những người đang hành nghề hợp pháp trở thành “hành nghề trái phép” ngay khi Luật có hiệu lực nếu không kịp hoàn thiện thủ tục cấp CCHN mới. Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định khoảng thời gian chuyển tiếp (xem xét từ 06 đến 12 tháng), cho phép các cá nhân, tổ chức hành nghề hợp pháp trong thời gian hiệu lực của 02 Nghị quyết nêu trên được tiếp tục hoạt động để hoàn tất các hợp đồng đang triển khai; đồng thời có đủ thời gian thực hiện thủ tục cấp CCHN theo quy định của Luật mới.

Về nội dung này, Chính phủ thống nhất tiếp thu với ý kiến thẩm tra về yêu cầu rà soát kỹ điều khoản chuyển tiếp để bảo đảm tính liên tục pháp lý, không làm gián đoạn việc quản lý kiến trúc, không gây lãng phí đối với hồ sơ, nhiệm vụ đã triển khai và không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân đang hành nghề kiến trúc.

Đối với lộ trình áp dụng mô hình thông tin công trình (BIM), Chính phủ xin tiếp thu theo hướng chỉnh lý khoản 4a Điều 12 như đã nêu ở trên để khẳng định việc áp dụng BIM thực hiện theo pháp luật về xây dựng và lộ trình do Chính phủ quy định. Trên cơ sở đó, Điều 3 không cần đặt ra một cơ chế chuyển tiếp riêng đối với toàn bộ hồ sơ thiết kế đang thực hiện. Tuy nhiên, để bảo đảm rõ ràng, Chính phủ sẽ tiếp tục rà soát, bổ sung nguyên tắc chuyển tiếp đối với hồ sơ thiết kế kiến trúc đã được lập, thẩm định, phê duyệt hoặc đang thực hiện theo nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt trước thời điểm Luật có hiệu lực; không yêu cầu lập lại chỉ vì thay đổi quy định về ứng dụng công nghệ, trừ trường hợp pháp luật về xây dựng hoặc người quyết định đầu tư có yêu cầu áp dụng BIM theo lộ trình riêng.

Đối với Quy chế quản lý kiến trúc và Danh mục công trình kiến trúc có giá trị đang tổ chức lập, Chính phủ xin tiếp thu. Dự thảo Luật hiện đã quy định chuyển tiếp đối với quy chế, danh mục đã được ban hành và hồ sơ đang trình phê duyệt. Tuy nhiên, thực tiễn có thể phát sinh trường hợp địa phương đã giao nhiệm vụ, phê duyệt đề cương, dự toán, ký hợp đồng tư vấn, tổ chức khảo sát, lấy ý kiến cộng đồng nhưng chưa đến bước trình phê duyệt tại thời điểm Luật có hiệu lực. Để tránh lãng phí ngân sách, thời gian và công sức của các chủ thể tham gia, Chính phủ sẽ nghiên cứu bổ sung quy định chuyển tiếp theo hướng: *Quy chế quản lý kiến trúc, Danh mục công trình kiến trúc có giá trị đã được cấp có thẩm quyền giao tổ chức lập hoặc đang tổ chức lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện trên cơ sở nhiệm vụ, đề cương, dự toán đã được phê duyệt; trường hợp cần điều chỉnh thẩm quyền, phạm vi hoặc nội dung để phù hợp với Luật này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc chuyển tiếp, điều chỉnh, bảo đảm không phải lập lại các nội dung đã được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.*

Đối với chứng chỉ hành nghề kiến trúc đã được cấp, dự thảo Luật đã quy định chứng chỉ hành nghề kiến trúc đã cấp theo Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 có giá trị đến khi hết thời hạn sử dụng, trừ trường hợp bị thu hồi. Quy định này

bảo đảm quyền lợi chính đáng của cá nhân đã được cấp chứng chỉ theo quy định hiện hành. Đối với các lĩnh vực mà dự thảo Luật không tiếp tục quy định bắt buộc phải có chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ đã cấp vẫn là thông tin pháp lý ghi nhận quá trình đào tạo, kinh nghiệm, năng lực chuyên môn của cá nhân; cá nhân không bị mất quyền hành nghề do việc thu hẹp phạm vi chứng chỉ. Chính phủ xin tiếp thu, sẽ nghiên cứu bổ sung cơ chế cập nhật, tích hợp thông tin chứng chỉ đã cấp vào Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng để phục vụ quản lý, tra cứu, hậu kiểm và không làm phát sinh yêu cầu sử dụng chứng chỉ bản giấy không cần thiết.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc đã nộp trước ngày Luật có hiệu lực nhưng chưa được giải quyết, Chính phủ xin tiếp thu và sẽ nghiên cứu bổ sung quy định chuyển tiếp. Định hướng xử lý là áp dụng quy định có lợi hơn cho cá nhân, bảo đảm không yêu cầu nộp lại hồ sơ, không yêu cầu thực hiện lại các thành phần hồ sơ hoặc kết quả đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hợp lệ. Trường hợp hồ sơ thuộc phạm vi chức danh tiếp tục phải có chứng chỉ hành nghề theo Luật này thì cơ quan có thẩm quyền tiếp tục xử lý theo quy định của Luật này và văn bản quy định chi tiết; trường hợp hồ sơ thuộc lĩnh vực không còn yêu cầu chứng chỉ hành nghề thì hướng dẫn cá nhân cập nhật thông tin hành nghề trên hệ thống dữ liệu theo cơ chế quản lý mới.

Đối với ý kiến về tính liên kết với các Nghị quyết của Chính phủ trong giai đoạn chuyển tiếp trước khi Luật có hiệu lực, Chính phủ xin tiếp thu: việc tiếp tục duy trì chứng chỉ hành nghề đối với một số chức danh trong dự thảo Luật không nhằm khôi phục đầy đủ cơ chế tiền kiểm như Luật hiện hành, mà chỉ duy trì yêu cầu đối với các chức danh có tác động trực tiếp đến chất lượng kiến trúc, an toàn cộng đồng, mỹ quan đô thị, không gian nông thôn và phù hợp với pháp luật về xây dựng. Để tránh tạo khoảng trống pháp lý đối với cá nhân, tổ chức đang hành nghề hợp pháp trong giai đoạn chuyển tiếp, Chính phủ đã nghiên cứu, bổ sung quy định chuyển tiếp liên quan nhằm bảo đảm các cá nhân, tổ chức đang thực hiện hợp đồng, nhiệm vụ thiết kế, tư vấn kiến trúc hợp pháp trước ngày Luật có hiệu lực được tiếp tục thực hiện đối với phần công việc, hợp đồng đã ký trong một thời hạn phù hợp; đồng thời sẽ tiếp tục hoàn thiện quy định về việc cấp, cấp nhật, công khai thông tin hành nghề theo quy định của Luật này và văn bản quy định chi tiết trong thời hạn đó. Quy định này nhằm bảo đảm tính liên tục của hoạt động đầu tư xây dựng, không hợp pháp hóa hành nghề không đủ năng lực, đồng thời tạo thời gian cần thiết để cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân thích ứng với cơ chế quản lý mới.

10. Về sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 40 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn (Điều 4 dự thảo Luật)

Ủy ban KH, CN & MT cơ bản tán thành với đề xuất tại Điều 4 dự thảo Luật về việc sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 40 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15. Cụ thể, rút ngắn thời gian thẩm định quy hoạch từ không quá 30 ngày xuống không quá 20 ngày là phù hợp với chủ trương đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, góp phần tháo gỡ điểm nghẽn về thời gian và đẩy nhanh tiến độ

thực hiện các dự án đầu tư. Tuy nhiên, để bảo đảm tính khả thi và hiệu lực thực thi của quy định này, Ủy ban KH, CN & MT đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung báo cáo đánh giá tác động chi tiết về khả năng đáp ứng của các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương. Việc điều chỉnh giảm mạnh thời gian thẩm định không thể chỉ xuất phát từ áp lực phải hoàn thành chỉ tiêu cắt giảm thủ tục hành chính thuần túy một cách cơ học mà thiếu đi các luận cứ khoa học và thực tiễn vững chắc, đồng thời đòi hỏi phải có sự tương thích về nguồn lực và trình độ công nghệ thông tin của cơ quan chuyên môn. Cần có cơ chế kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm việc rút ngắn thời gian xử lý thủ tục hành chính không tạo ra áp lực tiêu cực làm suy giảm chất lượng thẩm định các đồ án quy hoạch, qua đó bảo đảm sự phát triển bền vững và chất lượng kiến trúc của không gian đô thị và nông thôn.

Về nội dung này, Chính phủ thống nhất với ý kiến thẩm tra về yêu cầu bảo đảm tính khả thi khi rút ngắn thời gian thẩm định quy hoạch. Việc đề xuất rút ngắn thời gian thẩm định từ không quá 30 ngày xuống không quá 20 ngày xuất phát từ chủ trương đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ, tháo gỡ điểm nghẽn trong chuẩn bị và triển khai dự án đầu tư, đồng thời phù hợp với yêu cầu nâng cao kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong thực thi công vụ.

Tuy nhiên, Chính phủ nhận thấy việc rút ngắn thời gian thẩm định phải đi kèm với điều kiện bảo đảm chất lượng, nhất là đối với các quy hoạch đô thị và nông thôn có phạm vi rộng, nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, hạ tầng kỹ thuật, môi trường, phòng chống thiên tai, quốc phòng, an ninh và quyền lợi của cộng đồng dân cư. Do đó, Chính phủ xin tiếp thu, bổ sung nội dung đánh giá tác động trong hồ sơ dự án Luật theo hướng làm rõ cơ sở thực tiễn, phạm vi áp dụng, yêu cầu về nhân lực, dữ liệu, quy trình phối hợp, ứng dụng công nghệ thông tin và trách nhiệm của cơ quan thẩm định khi thực hiện quy định về thời hạn 20 ngày.

Chính phủ cũng đã rà soát kỹ thuật quy phạm để bảo đảm việc rút ngắn thời gian thẩm định không được hiểu là cắt giảm nội dung thẩm định, không làm giảm yêu cầu kiểm soát chất lượng quy hoạch và không làm suy giảm trách nhiệm của cơ quan thẩm định. Việc nâng cao hiệu quả thẩm định cần được thực hiện thông qua chuẩn hóa hồ sơ đầu vào, tăng cường kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ ngay từ bước tiếp nhận, ứng dụng hệ thống thông tin, dữ liệu quy hoạch, lấy ý kiến đồng thời, thay vì tuần tự đối với các cơ quan liên quan, phân định rõ trách nhiệm giữa cơ quan lập, cơ quan thẩm định và cơ quan phê duyệt.

Trên cơ sở ý kiến thẩm tra, Chính phủ xin tiếp thu theo hướng bổ sung giải trình trong Tờ trình, Báo cáo đánh giá tác động và tiếp tục hoàn thiện quy định liên quan tại dự thảo Luật để bảo đảm cân bằng giữa yêu cầu cải cách thủ tục hành chính và yêu cầu bảo đảm chất lượng quy hoạch đô thị, nông thôn, chất lượng kiến trúc, cảnh quan và phát triển bền vững không gian đô thị, nông thôn; đồng thời kiến nghị giữ nguyên tên Luật là “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiến trúc”.

Trên đây là nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến thẩm tra của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiến trúc. Chính phủ trân trọng báo cáo Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban KHCN&MT của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tư pháp;
- VPCP: BTCN, các PCN; Trợ lý TTg; Các Vụ: TH, KTTH, PL, KGVX, NN, NC; Cục TTTTCP;
- Lưu: VT, CN. (Tuần) **15**

**TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG**



Trần Hồng Minh